

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HOÀNG NGỌC HIẾU

**TỔNG HỢP HÌNH PHẠT THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TÒA ÁN QUÂN SỰ**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổng tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS. TRẦN VĂN ĐỘ

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả trong luận văn chưa được công bố trong bất kì công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo tính chính xác và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện khoa học xã hội Hà Nội.

NGƯỜI CAM ĐOAN

HOÀNG NGỌC HIẾU

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔNG HỢP HÌNH PHẠT	5
1.1. Khái niệm, ý nghĩa và các nguyên tắc tổng hợp hình phạt	5
1.2. Chế định tổng hợp hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến 2015	13
1.3. Tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự một số nước.....	18
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỔNG HỢP HÌNH PHẠT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ	24
2.1. Các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tổng hợp hình phạt	24
2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự	42
Chương 3: GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO TỔNG HỢP HÌNH PHẠT ĐÚNG TẠI CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ	56
3.1. Các đảm bảo tổng hợp hình phạt đúng tại các Tòa án quân sự.....	56
3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự	58
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
NCTN	Người chưa thành niên
NQ	Nghị quyết
NXB	Nhà xuất bản
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
TTLN	Thông tư liên ngành
TW	Trung ương
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Bộ luật hình sự quy định hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền lợi ích của người phạm tội. Nhà nước giao cho Tòa án nhân dân nhân danh Nhà nước tuyên bố một người là có tội và quyết định hình phạt đối với họ mà không có cơ quan nào được thực hiện quyền này. Việc quyết định hình phạt thể hiện sự lên án của Nhà nước đối với người phạm tội. Quyết định hình phạt đúng sẽ đạt được mục đích của hình phạt là trừng trị, giáo dục người phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội mới cũng như có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Ngược lại, mục đích của hình phạt sẽ không đạt được từ đó không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm đảm bảo ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Tổng hợp hình phạt là thuật ngữ được sử dụng trong khoa học pháp lý, pháp luật hình sự Việt Nam và trong các bản án, quyết định của Tòa án. Tổng hợp hình phạt có những đặc điểm riêng về nguyên tắc, căn cứ, thẩm quyền so với quyết định hình phạt đối với từng tội. Các quy định về tổng hợp hình phạt trong BLHS hiện hành đã thể hiện tính cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức đúng và áp dụng thống nhất. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về tổng hợp hình phạt, tham khảo thực tiễn xét xử tại các Tòa án Quân sự cho thấy: Có không ít trường hợp Hội đồng xét xử bỏ sót việc tổng hợp hình phạt hoặc tổng hợp hình phạt không đúng, làm cho hình phạt được quyết định không phù hợp với tính chất của chế độ nhiều tội phạm, nhân thân người phạm tội, gây khó khăn cho công tác thi hành án hình sự; quy định về tổng hợp hình phạt của BLHS còn những hạn chế, bất cập dẫn đến những cách hiểu và áp dụng không thống nhất.

Một trong những nhiệm vụ của cải cách tư pháp đã được nêu tại tiêu mục 2.1 phần II của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến

lược cải cách tư pháp đến năm 2020 là: "*Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp với mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp để cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội...*".

Tình hình nêu trên cho thấy, việc nghiên cứu một cách hệ thống và Toàn diện về hệ thống hình phạt để trên cơ sở đó đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định về tổng hợp hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam, đồng thời nâng cao chất lượng việc tổng hợp hình phạt tại các Tòa án và đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay là rất cần thiết.

Từ nhận thức như vậy, chúng tôi đã chọn Đề tài: "***Tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Tòa án Quân sự***" làm đề tài luận văn thạc của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tổng hợp hình phạt là vấn đề khó và phức tạp, vừa có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao, nên đã thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và hoạt động thực tiễn. Theo đó, cho đến nay đã có một số công trình nghiên cứu phải kể đến là: "*Quyết định hình phạt theo luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Võ Khánh Vinh trong sách *Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự*, NXB Chính trị quốc gia năm 1995; "*Quyết định hình phạt*" của tác giả Võ Khánh Vinh trong sách *Luật hình sự Việt Nam phân chung*, NXB Khoa học xã hội năm 2014; "*Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Trần Văn Sơn, luận văn thạc sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 1996; "*Quyết định hình phạt trong những trường hợp đặc biệt*", của Thạc sỹ Lê Duy Ninh; "*Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*", Luận án Tiến sỹ luật học của tác giả Dương Tuyết Miện; "*Một số vấn đề về tổng hợp hình phạt tù với án treo*", của tác giả Đinh Văn Quế; "*Quy định về hình phạt và tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật hình sự Việt Nam và một số kiến nghị*", của tác giả Phạm Văn Thiệu. Các công trình nêu trên, đều có giá trị về lý luận và thực tiễn, là cơ sở cho tác giả tham khảo, tiếp thu và tiếp tục nghiên cứu có hệ thống từ thực

tiền tại các Tòa án quân sự, từ đó đề xuất hướng hoàn thiện các quy định về tổng hợp hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu đề tài này, tác giả nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và pháp luật hình sự hiện hành về tổng hợp hình phạt. Trong đó các Tòa án quân sự là một minh chứng về thực trạng của vấn đề này, qua đó đề xuất những giải pháp góp phần hoàn thiện hơn những quy định về tổng hợp hình phạt trong BLHS Việt Nam, cũng như đảm bảo việc tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự được đúng pháp luật.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn đặt ra và giải quyết những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận, bao gồm đặc điểm, tính chất và đưa ra khái niệm tổng hợp hình phạt; phân tích ý nghĩa, nguyên tắc, lịch sử hình thành và phát triển của chế định tổng hợp hình phạt, đồng thời nghiên cứu tổng hợp hình phạt theo luật hình sự một số nước trên thế giới.

- Phân tích các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về tổng hợp hình phạt và thực tiễn tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự.

- Xác định các yêu cầu và đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định về tổng hợp hình phạt của pháp luật hình sự Việt Nam và nâng cao chất lượng tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu dưới góc độ Luật hình sự; cụ thể là nghiên cứu các quy định về tổng hợp hình phạt và các quy định liên quan trong BLHS; các văn bản liên quan của TANDTC và cơ quan hữu quan khác; nghiên cứu một số vấn đề chung về tổng hợp hình phạt; một số bản án, quyết định của các Tòa án Quân sự về tổng hợp hình phạt trong những năm gần đây; so sánh, đánh giá

những sửa, đổi bổ sung các quy định về tổng hợp hình phạt theo quy định của BLHS 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, quá trình thực hiện luận văn tác giả sử dụng tổng hợp các phương pháp: thống kê; phân tích; tổng hợp; so sánh; lịch sử; khảo sát thực tiễn và phương pháp chuyên gia.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là quá trình nghiên cứu chuyên sâu có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu góp tiếng nói khoa học khiêm tốn vào lý luận về tổng hợp hình phạt trong khoa học luật hình sự Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu có thể tham khảo trong quá trình hoàn thiện BLHS và nâng cao chất lượng tổng hợp hình phạt trong thực tiễn.

Luận văn cũng có thể được sử dụng tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập về luật hình sự nói chung, quyết định hình phạt nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm ba chương sau:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về tổng hợp hình phạt

Chương 2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tổng hợp hình phạt và thực tiễn áp dụng tại các Tòa án Quân sự

Chương 3. Các yêu cầu giải pháp nâng cao chất lượng tổng hợp hình phạt tại các Tòa án Quân sự

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔNG HỢP HÌNH PHẠT

1.1. Khái niệm, ý nghĩa và các nguyên tắc tổng hợp hình phạt

1.1.1. Khái niệm tổng hợp hình phạt

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước đoạt hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội được quy định trong BLHS và do Tòa án áp dụng. Theo quy định của BLHS Việt Nam, khi xét xử người phạm nhiều tội, Tòa án không quyết định ngay một hình phạt chung đối với các tội mà phải xét xử và quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp các hình phạt đã tuyên thành hình phạt chung. Cũng có những trường hợp người bị kết án chưa chấp hành hoặc chưa chấp hành xong hình phạt về một tội phạm lại bị xét xử về tội phạm mới, thì Tòa án cũng phải tổng hợp hình phạt chung để đảm bảo việc thi hành.

Hiện nay chưa có văn bản pháp luật hình sự nào quy định về khái niệm tổng hợp hình phạt nhưng trong khoa học hình sự, đã có một số tác giả nêu quan điểm về khái niệm tổng hợp hình phạt. Có quan điểm cho rằng: "*Tổng hợp hình phạt là trường hợp Tòa án cộng các hình phạt mà người phạm tội bị kết án thành một hình phạt chung buộc người phạm tội phải chấp hành*" [36, tr. 14]. Khái niệm này đã thể hiện bản chất của tổng hợp hình phạt là xác định hình phạt chung cho người phạm tội để chấp hành và chủ thể thực hiện việc tổng hợp hình phạt là Tòa án. Tuy nhiên quan điểm này còn có hạn chế là: Tổng hợp hình phạt là cộng các hình phạt là chưa chính xác, chưa bao quát hết các nguyên tắc tổng hợp hình phạt, đó là nguyên tắc thu hút hình phạt, nguyên tắc cùng tồn tại đã được thể hiện tại các điều 50 và 51 của BLHS. Cộng các hình phạt chỉ là một trong nhiều nguyên tắc tổng hợp hình phạt. Nguyên tắc cộng hình phạt bao gồm: nguyên tắc cộng toàn bộ hình phạt và nguyên tắc cộng một phần hình phạt. Theo quy định tại Điều 50 BLHS, nguyên tắc thu hút hình phạt được áp dụng trong trường hợp một trong các hình phạt cao nhất đã tuyên là chung thân hoặc tử hình, nhưng không thu hút hình phạt

tiền và trực xuất vào hai loại hình phạt này. Nguyên tắc cùng tồn tại được áp dụng khi các hình phạt đã tuyên là khác loại và không áp dụng được các nguyên tắc trên.

Quan điểm khác lại cho rằng, tổng hợp hình phạt là "*xác định hình phạt chung cho người bị tuyên nhiều loại hình phạt*" [9, tr. 798]. Khái niệm này đã chỉ ra đặc điểm chung, cơ bản nhất của tổng hợp hình phạt là xác định hình phạt chung trên cơ sở nhiều hình phạt mà Tòa án đã tuyên đối với người phạm nhiều tội. Tuy nhiên, khái niệm này chưa phản ánh chủ thể, căn cứ của tổng hợp hình phạt.

Để đưa ra khái niệm tổng hợp hình phạt, cần phải nghiên cứu các yếu tố nội hàm chung của áp dụng hình phạt, cũng như đặc thù của tổng hợp hình phạt. Theo chúng tôi, tổng hợp hình phạt có những điểm đặc thù sau đây:

Thứ nhất, việc tổng hợp hình phạt chỉ được thực hiện trong trường hợp một người đã bị Tòa án tuyên nhiều hình phạt.

Người phạm một tội chỉ có thể bị tuyên một hình phạt chính và có thể kèm theo một hoặc một số hình phạt bổ sung, nên không đặt ra vấn đề tổng hợp hình phạt. Một người chỉ có thể bị tuyên nhiều hình phạt trong những trường hợp phạm nhiều tội cùng được xét xử một lần hoặc phạm nhiều tội và bị xét xử nhiều lần khác nhau. Để thi hành được các hình phạt đã tuyên, cần phải tổng hợp các hình phạt này.

Trong BLHS của Việt Nam không có quy định về khái niệm cũng như các trường hợp phạm nhiều tội. Khoa học luật hình sự và thực tiễn cho thấy, có hai loại trường hợp phạm nhiều tội là: người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội cấu thành những tội phạm khác nhau được quy định trong BLHS hay còn gọi là tổng hợp thực tế; người phạm tội thực hiện một hành vi cấu thành nhiều tội phạm khác nhau hay còn gọi là tổng hợp ý thức.

Có trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội cấu thành những tội phạm khác nhau, cũng có trường hợp một hành vi phạm tội thoả mãn nhiều cấu thành tội phạm khác nhau. Như vậy, một hành vi phạm tội không đồng nhất với một hành vi thực hiện cụ thể, đúng như quan điểm: "*một hành vi phạm tội là một hoặc tập hợp nhiều hành vi thực hiện cụ thể khác nhau mà trong sự tổng*

hợp với những tình tiết khách quan và chủ quan nhất định thoả mãn một cấu thành tội phạm cụ thể" [17, tr88].

Một hành vi phạm tội thường chỉ thoả mãn một cấu thành cụ thể. Tuy nhiên, có những trường hợp một cấu thành tội phạm chưa thu hết các tình tiết của một hành vi tội phạm cụ thể. Các tình tiết chưa được thu hút vào cấu thành tội phạm này có ý nghĩa về mặt pháp lý hình sự và trong sự tổng hợp với toàn bộ hoặc một phần hành vi phạm tội lại cấu thành một hoặc có thể nhiều tội phạm khác. Đây là trường hợp một hành vi phạm tội cấu thành nhiều tội phạm cụ thể được quy định tại các điều khác nhau trong phần các tội phạm của BLHS.

Thứ hai, việc tổng hợp hình phạt do Hội đồng xét xử hoặc Chánh án Tòa án thực hiện.

Quyết định một người có tội và áp dụng hình phạt đối với người đó là việc làm rất hệ trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người đã được thể hiện ở quyền công dân, được ghi nhận trong Hiến pháp, được đảm bảo thực hiện bằng pháp luật. Vì ý nghĩa quan trọng đó, Điều 26 BLHS quy định: "*Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Tòa án quyết định*"; Điều 30 BLHS năm 2015 cũng quy định: "*Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó*". Như vậy, pháp luật đã quy định chỉ Tòa án mới có quyền kết tội và quyết định hình phạt đối với người bị kết án.

Đối với những vụ án mà bị cáo bị đưa ra xét xử cùng một lần về nhiều tội, HĐXX có thể kết án và tuyên hình phạt đối với từng tội, sau đó thực hiện việc tổng hợp các hình phạt thành hình phạt chung theo quy định tại Điều 50 BLHS. Trường hợp người đang phải chấp hành bản án mà lại bị xét xử về một tội phạm đã được thực hiện trước khi có bản án này, HĐXX quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó tổng hợp với hình phạt của bản án trước thành hình phạt chung theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS. Đối với trường hợp người đang phải chấp hành bản án mà lại bị xét xử về một tội phạm mới, HĐXX quyết định hình phạt đối

với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Khi xét xử cùng một lần người phạm nhiều tội hoặc người đang chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội phạm khác, HĐXX phải tổng hợp hình phạt. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau mà HĐXX đã không thực hiện việc tổng hợp hình phạt. Để khắc phục tình trạng này, khoản 3 Điều 51 BLHS quy định cho Chánh án Tòa án có thẩm quyền tổng hợp hình phạt của các bản án đang có hiệu lực pháp luật. BLHS không quy định cụ thể Chánh án Tòa án nào tổng hợp hình phạt của các bản án. Thực tiễn tổng hợp hình phạt cho thấy, việc phát hiện người đang có nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật chưa được tổng hợp có thể do Tòa án, trại tạm giam, trại giam phát hiện và đề nghị Chánh án Tòa án có thẩm quyền tổng hợp hình phạt. Như vậy, thẩm quyền của Chánh án trong tổng hợp hình phạt không qua xét xử chính là nét đặc thù của tổng hợp hình phạt so với quyết định hình phạt chung.

Thứ ba, việc tổng hợp hình phạt phải căn cứ vào quy định của pháp luật hình sự về tổng hợp hình phạt, trên cơ sở loại và mức hình phạt Tòa án đã tuyên đối với từng tội, phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước (trường hợp người đang phải chấp hành hình phạt của một bản án mà lại phạm tội mới).

So với việc quyết định hình phạt đối với từng tội, tổng hợp hình phạt có những nguyên tắc riêng. Trong BLHS, nhà làm luật đã thiết kế những điều, khoản riêng quy định trực tiếp về tổng hợp hình phạt, đó là các Điều 50 và 51 quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và bị xét xử cùng một lần và tổng hợp hình phạt của nhiều bản án; khoản 5 Điều 60 quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp người đang trong thời gian thử thách của án treo mà lại phạm tội mới; khoản 2 Điều 61 quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp người đang được hoãn chấp hành hình phạt tù mà lại phạm tội mới và Điều 75 quy định về tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội. Việc tổng hợp hình phạt còn phải căn cứ vào các quy định trong các văn bản hướng dẫn về tổng hợp hình phạt của các cơ quan chức năng.

Ngoài các quy định của pháp luật hình sự, việc tổng hợp hình phạt còn có cơ sở là loại và mức hình phạt Tòa án đã quyết định đối với từng tội; thời hạn còn lại của bản án trước. Tùy vào loại và mức hình phạt đối với từng tội mà Tòa án áp dụng nguyên tắc nào đã được thể hiện trong BLHS. Trong trường hợp phạm nhiều tội và bị xét xử cùng một lần thì trong khi nghị án, HĐXX quyết định loại và mức hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp luôn hình phạt của các tội thành hình phạt chung và tuyên buộc bị cáo phải chấp hành. Đối với người phạm tội đang phải chấp hành bản án mà lại bị đưa ra xét xử về tội đã được thực hiện trước khi có bản án này hoặc phạm tội mới, HĐXX phải tuyên hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó mới tổng hợp với hình phạt của bản án trước. Như vậy, loại và mức hình phạt đã tuyên đối với từng tội được thể hiện ở các bản án khác nhau và có thể người bị kết án đã chấp hành được một phần hình phạt của bản án trước. Do đó, khi tổng hợp hình phạt của các bản án trong trường hợp người đang phải chấp hành bản án mà lại phạm tội mới, cơ sở để tổng hợp hình phạt là *phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước* (khoản 2 Điều 51 BLHS) và hình phạt của bản án mới.

Theo luật hình sự hiện hành, mặc dù thuộc một nội dung quyết định hình phạt, việc tổng hợp hình phạt rất hạn chế trong việc sử dụng khả năng lựa chọn, tùy nghi. Đối với hình phạt chính việc tổng hợp hình phạt hoàn toàn không được tùy nghi; khả năng tùy nghi chỉ được thực hiện trong tổng hợp hình phạt bổ sung.

Theo Từ điển tiếng Việt do Viện ngôn ngữ học, Nhà xuất bản Đà Nẵng và Trung tâm từ điển phối hợp xuất bản năm 2003 thì "*tổng hợp*" được hiểu là *tổng hợp các yếu tố riêng rẽ nào đó làm thành một chỉnh thể* [57]. Như đã phân tích ở trên tổng hợp hình phạt chỉ có thể được thực hiện trong trường hợp một người bị tuyên nhiều hình phạt về nhiều tội. Do đó, *tổng hợp hình phạt được hiểu một cách khái quát nhất là xác định hình phạt chung cho người bị Tòa án tuyên nhiều hình phạt*. Từ những phân tích trên, chúng tôi đưa ra khái niệm tổng hợp hình phạt như sau:

Tổng hợp hình phạt là việc HĐXX hoặc Chánh án Tòa án trên cơ sở loại và mức hình phạt Tòa án đã tuyên đối với từng tội, phần hình phạt chưa chấp hành

của bản án trước để xác định hình phạt chung đối với người bị Tòa án tuyên nhiều hình phạt theo quy định của pháp luật hình sự.

1.1.2. Ý nghĩa tổng hợp hình phạt

Thứ nhất, tổng hợp hình phạt bảo đảm tính khả thi của bản án:

Khoản 3 Điều 4 Luật thi hành án hình sự năm 2010 quy định: “*Bản án, quyết định có hiệu lực thi hành phải được cơ quan, tổ chức cá, cá nhân tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh*”.

Theo quy định của Bộ luật hình sự, người phạm nhiều tội có thể bị xét xử cùng một lần và tuyên hình phạt trong cùng bản một bản án, có thể bị xét xử ở các lần khác nhau và bị tuyên hình phạt trong nhiều bản án. Hình phạt mà Tòa án đã tuyên đối với từng tội có thể cùng loại hoặc khác loại. Người bị kết án không thể đồng thời chấp hành các hình phạt của tất cả các bản án mà cần phải tổng hợp thành hình phạt chung theo những nguyên tắc nhất định thì mới có tính khả thi. Trường hợp một người bị kết án tại nhiều bản án, nếu các hình phạt không được tổng hợp thì rất có thể xảy ra trường hợp có bản án được đưa ra thi hành, có bản án đã có hiệu lực pháp luật sẽ bỏ sót, không được đưa ra thi hành. Do đó, có thể xảy ra trường hợp bản án này thi hành xong thì bản án khác đã hết thời hiệu thi hành.

Thứ hai, tổng hợp hình phạt góp phần đảm bảo sự nghiêm minh, công bằng của pháp luật:

Người phạm nhiều tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tất cả các tội đã phạm. Đây là nguyên tắc đã được quy định tại Điều 3 BLHS: “*Mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật*”. Thực hiện nguyên tắc này, mọi hành vi phạm tội phải được điều tra, truy tố, xét xử. Khi xét xử, Tòa án đã tuyên hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ từng hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (nếu không đủ điều kiện để miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt), thể hiện sự nghiêm minh và công bằng của pháp luật hình sự. Sau đó, Tòa án tổng hợp các hình phạt đã tuyên thành hình phạt chung để buộc người bị kết án phải chấp hành. Theo quy định của BLHS, nguyên tắc cộng

toàn bộ hình phạt luôn được ưu tiên áp dụng trước; trong trường hợp không cộng được toàn bộ các hình phạt đã tuyên thì mới áp dụng phương pháp cộng một phần hình phạt. Người phạm một tội có thể tuyên hình phạt tù tối đa đến 20 năm tù, nhưng người phạm nhiều tội có thể bị tuyên hình phạt tổng hợp đến 30 năm tù; các hình phạt khác loại không tổng hợp được nhưng có thể chấp hành được tất cả các hình phạt này, thì buộc người bị kết án chấp hành tất cả các hình phạt đó. Như vậy, người phạm nhiều tội luôn phải chịu hình phạt nặng hơn người phạm một trong số những tội đó, trừ trường hợp hình phạt tổng hợp và hình phạt đối với một tội đó đều là chung thân hoặc tử hình.

Thứ ba, tổng hợp hình phạt tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thi hành án:

Theo quy định của BLTTHS, sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành bản án đó, quyết định này phải được gửi cho Cơ quan thi hành án hình sự. Trường hợp một người có nhiều hình phạt, nhiều bản án chưa được tổng hợp mà không thể thi hành đồng thời, Chánh án Tòa án ra quyết định thi hành hình phạt, bản án nào? Ví dụ: Một người đồng thời có một bản án tuyên hình phạt tù chung thân, một bản án khác tuyên hình phạt tù có thời hạn. Những trường hợp này rõ ràng là gây khó khăn cho Tòa án trong việc ra quyết định thi hành án. Nếu Chánh án Tòa án ra quyết định thi hành tất cả các bản án thì cũng không thể thi hành đồng thời các bản án này. Nhưng khi hình phạt trong cùng một bản án hoặc trong các bản án khác nhau đã được tổng hợp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc ra quyết định thi hành án, Chánh án Tòa án chỉ căn cứ vào bản án đã tổng hợp hình phạt để ra quyết định thi hành bản án đó.

Bên cạnh đó, theo quy định tại các điều 55, 58 BLHS và tiểu mục 1.3 mục 1 Nghị quyết số 01/2007 ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, tổng hợp hình phạt còn có ý nghĩa cho việc xác định thời hiệu thi hành bản án, xét giảm chấp hành hình phạt và xoá án tích: *“Trường hợp trong bản án có tổng hợp hình phạt của nhiều tội thì căn cứ mức hình phạt để tính thời hiệu thi hành bản án hình sự là hình phạt chung của hình phạt chính nặng nhất”*.

Thứ tư, tổng hợp hình phạt góp phần thực hiện chính sách hình sự, đảm bảo đạt được mục đích của hình phạt mà Tòa án đã tuyên:

Theo quy định tại Điều 27 BLHS, hình phạt có những mục đích "*Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn....đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm*".

Các mục đích này của hình phạt đã được các nhà làm luật tính đến khi xây dựng các quy định của BLHS như: quy định hệ thống hình phạt, điều kiện, phạm vi áp dụng từng loại hình phạt cụ thể trong phần chung BLHS; xây dựng khung hình phạt có loại và giới hạn mức hình phạt nhất định cho các tội phạm cụ thể tại các điều luật trong phần các tội phạm của BLHS. Tuy nhiên, các mục đích của hình phạt có đạt được hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác, trong đó vấn đề quyết định hình phạt là một yếu tố rất quan trọng. Hình phạt đã tuyên đối với từng tội phải tương xứng, không quá nặng hoặc quá nhẹ. Sự tương xứng của hình phạt đã tuyên không chỉ thể hiện ở sự trừng trị của Nhà nước đối với người phạm tội, đủ sức răn đe người bị áp dụng hình phạt phạm tội lại; răn đe, ngăn ngừa những người khác phạm tội; giáo dục động viên được nhân dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm... mà còn phải thể hiện được sự khoan hồng, chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội.

1.1.3. Nguyên tắc tổng hợp hình phạt

Khi một người phạm nhiều tội, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội; khi một người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới hoặc bị xét xử về tội đã phạm trước đó, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới hoặc tội đã phạm trước đó và khi một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp, thì Tòa án phải thực hiện tổng hợp hình phạt; tổng hợp hình phạt trong trường hợp có án treo và tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội. Theo pháp luật hình sự Việt Nam việc tổng hợp hình phạt được thực hiện theo nguyên tắc thu hút hình phạt, nguyên tắc cộng hình phạt (cộng toàn bộ và cộng một phần) và nguyên tắc cùng tồn tại, việc lựa chọn nguyên tắc nào để tổng hợp hình phạt nó phụ thuộc vào Tòa án đã lựa chọn hình phạt nào để áp dụng cho người phạm tội. Ngoài ra việc tổng hợp hình phạt phải tuân theo các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, tổng hợp hình phạt đối với nhiều tội hoặc trong nhiều bản án phải tuân thủ nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, tức là phải tuân thủ các quy định của Bộ luật hình sự và các hướng dẫn thi hành của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thứ hai là các hình phạt đã tuyên đối với từng tội, các hình phạt đã tuyên trong các bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc chưa được thi hành, chưa được tổng hợp phải được tổng hợp đầy đủ, không được bỏ sót.

Điều 106 Hiến pháp năm 2013 và Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định: “*Bản án, quyết định của của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cán nhân tôn trọng; cơ quan, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*”. Điều 22 BLTTHS quy định: “*Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành ...phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chấp hành đó...*”. Điều 28 BLTTHS 2015 cũng quy định: “*Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng. Cơ quan, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành. Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án*”. Do vậy, để đảm bảo thi hành đúng các quy định trên thì Tòa án phải tổng hợp đầy đủ các hình phạt, không được bỏ sót.

Thứ ba, việc tổng hợp hình phạt phải rõ ràng, chính xác, về con số, về thời điểm tính thời hạn, đảm bảo tính khả thi. Đây là nguyên tắc rất quan trọng, chỉ cần sai lệch về con số, về thời điểm tính thời hạn có thể đưa đến hậu quả là người chấp hành án không phải chấp hành “đủ” hoặc họ phải chấp hành “thừa” hình phạt.

1.2. Chế định tổng hợp hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến 2015

1.2.1. Chế định tổng hợp hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến 1985

Trong giai đoạn này, nhìn chung chế định hình phạt chưa được quy định trong các văn bản pháp luật mà mới chỉ đề cập trong các báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án và các công văn của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn các địa phương việc xét xử:

* *Trường hợp thứ nhất*: Pháp luật nước ta chưa có quy định cụ thể về tổng hợp hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội, nên vào những thời điểm khác nhau, việc tổng hợp hình phạt được với nhiều cách thức không thống nhất. Trước năm 1964, việc quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội, có Tòa án đã phân tích, nhận định trong bản án phạm nhiều tội nhưng lại không tuyên hình phạt riêng cho từng tội, rồi tổng hợp lại thành hình phạt chung mà chỉ quyết định hình phạt chung cho tất cả các tội được phân tích; có Tòa án quyết định hình phạt cụ thể cho mỗi tội rồi tổng hợp hình phạt chung. Việc quyết định hình phạt chung cho các tội cũng được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau như: 1/ thu hút hình phạt nhẹ vào hình phạt nặng; 2/ cộng tất cả các hình phạt đã tuyên cho từng tội hoặc 3/ cộng thêm vào hình phạt nặng nhất một phần hình phạt đã tuyên.

Để khắc phục tình trạng thiếu thống nhất trên, trong Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1964 sau khi chỉ ra các sai sót mà các Tòa án cần khắc phục, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã hướng dẫn: Đối với trường hợp bị cáo phạm nhiều tội, khi xét xử nói chung trong trường hợp thấy cần thiết và có thể, Tòa án nên phân tích và có thể, Tòa án nên phân tích, kết luận rõ đối với từng hành vi phạm tội rồi quyết định hình phạt cho từng hành vi rồi mới quyết định hình phạt chung bắt bị cáo phải chấp hành. Nhưng cũng cần chú ý rằng, đối với những trường hợp tuy bị cáo có nhiều hành vi nhưng mỗi hành vi cũng cấu thành một tội phạm hình sự, nhưng xét thấy xét xử nhiều tội là không cần thiết thì không máy móc phải xét xử hết các tội và xử tổng hợp nhiều tội. Báo cáo tổng kết còn nêu ra hai phương pháp tổng hợp hình phạt là phương pháp cộng hình phạt và phương pháp thu hút hình phạt với phạm vi áp dụng khác nhau [54, tr. 145 - 146].

Tuy nhiên, hướng dẫn này cũng chưa thật sự cụ thể và chi tiết nên dẫn đến tình trạng áp dụng không thống nhất. Ngày 14/9/1973, Tòa án nhân dân Tối cao có Công văn số 621/NCLP hướng dẫn tổng hợp hình phạt trong đó chỉ rõ thế nào là cộng một phần, cộng toàn bộ và thu hút hình phạt [54, tr. 21].

* *Trường hợp thứ hai*: Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án. Báo cáo tổng kết công tác của Tòa án nhân dân Tối cao năm 1964 đã nêu ra hai

trường hợp với cách thức tổng hợp có nhiều nét tương đồng với các quy định hiện hành của Bộ luật hình sự

Công văn số 612/NCLP ngày 14/9/1973 của Tòa án nhân dân tối cao về viết các bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, chế định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án được hướng dẫn đầy đủ hơn các báo cáo tổng kết ngành Tòa án trước đó. Theo đó thì tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án được chia làm hai loại: Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án lại bị xét xử về một tội đã phạm trước khi có bản án này và trong trường hợp một người đang chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới.

* *Trường hợp thứ ba*: Tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội: Từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 đến năm 1975 chưa có văn bản pháp luật hình sự nào chính thức quy định nguyên tắc xử lý, quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, mà vấn đề này cũng chỉ được đề cập trong các báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án. Từ sau khi giải phóng Miền Nam cho đến trước khi có Bộ luật hình sự năm 1985, giai đoạn này có chuyên đề sơ kết kinh nghiệm xét xử các vụ án về người chưa thành niên phạm tội kèm theo công văn số 37/NCPL ngày 16/01/1976 của Tòa án nhân dân Tối cao.

* *Trường hợp thứ tư*: Tổng hợp hình phạt có liên quan đến án treo. Điều 10 Sắc lệnh số 21/SL ngày 14/02/1946 quy định: “*Nếu trong 5 năm ấy, tội nhân bị kết án một lần nữa trước một Tòa án quân sự thì bản án treo sẽ đem đi thi hành. Cụ thể: Khi phạm tội mới bị đưa ra xét xử, không bị phạt tù, người phạm tội đồng thời phải chấp hành hai bản án. Nếu tội phạm mới bị xử phạt tù thì phải tổng hợp với hình phạt của bản án cũ*” [38, tr.02]. Tiếp đó, tại Thông tư số 2038/NCPL ngày 01/12/1961 thì việc tổng hợp hình phạt đối với người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách đã có những thay đổi căn bản “*nếu trong thời gian thử thách, người hưởng án treo lại phạm tội mới cùng tính chất hoặc nặng hơn tội cũ, Tòa án sẽ cộng một phần hay toàn bộ hình phạt cũ vào hình phạt mới để chấp hành*”.

1.2.2. Chế định tổng hợp hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam từ 1985 đến 1999

Bộ luật hình sự 1985 quy định về tổng hợp hình phạt trong các trường hợp khác nhau.

- Đối với tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Điều 41 BLHS 1985 quy định: Khi xét xử cùng một lần người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt với từng tội, sau đó quyết định hình phạt chung cho các tội. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên. Quy định này đã khắc phục được nhược điểm thiếu nhất quán trong thực tiễn xét xử thời gian trước đó và đánh dấu sự trưởng thành về kỹ thuật lập pháp hình sự ở nước ta. Tuy nhiên, qua thời gian thực hiện, đã bộc lộ bất cập ở quy định “*Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên*”.

Để khắc phục nhược điểm này, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 28/12/1989 đã sửa đổi: “*Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của loại hình phạt đã tuyên*”. Tuy nhiên, BLHS 1985, không quy định cách thức tổng hợp hình phạt, do đó gây ra những vướng mắc khi áp dụng pháp luật, nhất là trong trường hợp phải tổng hợp các hình phạt khác loại.

- Đối với tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án.

Điều 42 BLHS 1985 quy định: Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về một tội trước khi có bản án này thì Tòa án quyết định hình phạt đối với đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt mà luật quy định đối với tội nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên. Với quy định này thì người phạm nhiều tội cũng có thể chỉ bị xử phạt như người phạm một tội. Điều này vi phạm nguyên tắc công bằng trong luật hình sự nói chung và trong tổng hợp hình phạt nói riêng. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985

ngày 28/12/1989 đã sửa đổi: “Hình phạt chung không được vượt quá mức cao nhất của loại hình phạt đã tuyên”.

Trường hợp một người đang chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới sau đó cộng với hình phạt chưa chấp hành của bản án trước thành hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất mà luật quy định cho loại hình phạt đã tuyên. Tuy nhiên, các nhà làm luật chưa dự liệu được trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng các bản án này chưa được tổng hợp theo hai trường hợp trên, do vậy, lần sửa đổi thứ hai của BLHS 1985 đã bổ sung khoản 3 Điều 42 để tổng hợp hình phạt trong trường hợp này.

Đối với vấn đề tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội được quy định trong Điều 65 BLHS 1985, cụ thể là trong trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội có tội thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội thực hiện sau khi đủ 18 tuổi thì việc tổng hợp hình phạt được quy định: Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi thì hình phạt chung được áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội. So với giai đoạn trước, quy định về tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội đã rõ ràng, chi tiết hơn nhưng chưa hoàn thiện.

Như vậy, trong Bộ luật hình sự năm 1985 chế định tổng hợp hình phạt đã được quy định chi tiết hơn giai đoạn trước, nhưng các quy định đó cũng chưa được hoàn thiện về mặt kỹ thuật lập pháp. Mặt khác, có một số quy định đã được sửa đổi nhưng không kế thừa được những quy định hợp lý của giai đoạn trước, do vậy đã dẫn đến nhiều vướng mắc trong quá trình áp dụng. Đây là một nguyên nhân đòi hỏi sự bổ sung cần thiết trong BLHS năm 1999.

1.2.3. Chế định tổng hợp hình phạt trong pháp luật luật hình sự Việt Nam từ 1999 đến 2015

Bộ luật hình sự năm 1999 đã có nhiều quy định thể hiện sự thay đổi về chính sách hình sự của Nhà nước ta và cũng thể hiện sự tiến bộ về mặt kỹ thuật lập pháp. BLHS năm 1999 đã khắc phục tình trạng bất hợp lý của việc giới hạn mức tối đa

của hình phạt chung khi tổng hợp các hình phạt tù có thời hạn. Theo BLHS năm 1985 sau khi đã được sửa đổi lần thứ nhất năm 1989 thì hình phạt chung khi tổng hợp các hình phạt là hình phạt tù có thời hạn (trong trường hợp phạm nhiều tội hoặc trong trường hợp có nhiều bản án) không được vượt mức 20 năm tù là mức cao nhất của hình phạt tù có thời hạn. Điều này sẽ bộc lộ rõ sự bất hợp lý khi người phạm tội phạm nhiều tội và đối với một trong các tội đó đã có thể tuyên hình phạt tù có thời hạn ở mức tối đa hoặc xấp xỉ, trong khi không có tội nào có thể tuyên được hình phạt tù chung thân hoặc tử hình... BLHS năm 1999 đã khắc phục sự bất hợp lý bằng việc cho phép hình phạt tổng hợp có thể vượt đến 1,5 lần mức cao nhất của hình phạt tù có thời hạn (đến 30 năm). Đồng thời chế định tổng hợp hình phạt được quy định cụ thể hơn tại các điều 50, 51, 60 và Điều 75 BLHS cũng có sự thay đổi theo hướng quy định cụ thể hơn giai đoạn trước đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, những quy định đó cũng chưa thật hoàn thiện, nên thực tiễn áp dụng còn gặp phải những vướng mắc đòi hỏi có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Trong hơn 30 năm đổi mới, chế định tổng hợp hình phạt trong luật hình sự Việt Nam thực sự đã có những thay đổi phát triển đáng kể. Tuy nhiên, trong sự phát triển đó còn có những hạn chế do yếu kém trong công tác lập pháp. Khi đổi mới để phát triển, chúng ta chỉ chú trọng sửa đổi, bổ sung về nội dung của các quy định mà ít quan tâm đến kỹ thuật xây dựng các quy định. Khi bổ sung hay sửa đổi các quy định chúng ta thường chỉ chú ý nhiều đến bức xúc của thực tế, đến “*vấn đề cụ thể*” mà ít chú ý đến lý luận, đến “*tổng thể*”. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển, hoàn thiện chế định tổng hợp hình phạt. Trong thời gian tới, để thúc đẩy sự phát triển hơn nữa của luật hình sự nói chung và chế định tổng hợp hình phạt nói riêng chúng ta cần phải có những thay đổi nhất định trong việc sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2015.

1.3. Tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự một số nước

1.3.1. Theo pháp luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức

Chế định tổng hợp hình phạt được quy định cụ thể trong pháp luật hình sự Đức như sau:

Điều 52 Cùng hành vi

(1) Nếu chính một hành vi vi phạm nhiều luật hình sự hoặc phạm cùng một luật hình sự nhiều lần thì chỉ quyết định một hình phạt.

(2) Nếu nhiều luật hình sự bị vi phạm thì hình phạt được xác định theo Luật trong đó hình phạt nặng nhất được quy định. Hình phạt không được phép nhẹ hơn hình phạt mà các luật có thể được áp dụng khác cho phép.

(3) Toà án có thể tuyên riêng biệt hình phạt tiền kèm theo hình phạt tự do theo các điều kiện của Điều 41.

(4) Nếu một trong số các luật có thể được áp dụng cho phép hình phạt tài sản thì kèm theo hình phạt tự do suốt đời hoặc hình phạt tự do có thời hạn trên hai năm thì toà án có thể quyết định riêng biệt hình phạt này. Trong các trường hợp khác còn lại, hình phạt phụ, các hậu quả kèm theo và các biện pháp (Điều 11 khoản 1 số 8) có thể được hoặc phải được quyết định nếu một trong các luật có thể được áp dụng có quy định hoặc cho phép [8, tr29].

Điều 53 Nhiều hành vi

(1) Nếu một người nào đó đã phạm nhiều tội mà các tội này bị kết án cùng lúc và qua đó họ phải chịu nhiều hình phạt tự do hoặc nhiều hình phạt tiền thì quyết định một hình phạt chung.

(2) Nếu có hình phạt tự do cùng hình phạt tiền thì quyết định một hình phạt chung. Tuy nhiên, toà án cũng có thể quyết định riêng biệt hình phạt tiền; nếu trong những trường hợp này mà hình phạt tiền cần được tuyên cho nhiều tội phạm thì quyết định một hình phạt tiền chung.

(3) Nếu một người theo luật thuộc trường hợp ... có hiệu lực tương ứng.

(4) Điều 52 khoản 3 và 4 câu 2 có hiệu lực tương ứng [8, tr29].

Điều 54 Cách tạo hình phạt chung

(1) Nếu một trong các hình phạt riêng lẻ là hình phạt tự do suốt đời thì hình phạt chung được quyết định là hình phạt tự do suốt đời. Trong tất cả các trường hợp còn lại, hình phạt chung được tạo ra bằng việc tăng hình phạt phải chịu nặng nhất trong các hình phạt phải chịu nếu các hình phạt là khác loại thì hình phạt chung

được tạo ra bằng việc tăng hình phạt thuộc loại nặng nhất. Ở đây, cá nhân người thực hiện tội phạm và từng tội phạm riêng lẻ được đánh giá một cách tổng hợp.

(2) Hình phạt chung không được phép đạt bằng tổng các hình phạt riêng lẻ. Hình phạt chung không được vượt quá mười lăm năm đối với hình phạt tự do có thời hạn, không được vượt quá giá trị tài sản của người thực hiện tội phạm đối với hình phạt tài sản và không được vượt quá bảy trăm hai mươi đơn vị thu nhập ngày đối với hình phạt tiền; Điều 43a khoản 1 câu 3 có hiệu lực tương ứng.

(3) Nếu hình phạt chung được tạo ra từ hình phạt tự do và hình phạt tiền thì khi xác định tổng của các hình phạt riêng lẻ, mỗi đơn vị thu nhập ngày được tính bằng một ngày hình phạt tự do [8, tr30].

Điều 55 Cách tạo bổ sung sau hình phạt chung

(1) Các điều 53 và 54 cũng được áp dụng nếu người bị kết án đã có hiệu lực lại bị kết án vì một tội phạm khác đã phạm trước khi có việc kết án trước vào thời điểm trước khi hình phạt đã tuyên được chấp hành, bị hết thời hiệu hoặc đã được bãi bỏ. Việc kết án trước được hiểu là bản án thuộc quá trình tố tụng trước mà trong đó các xác định sự việc cơ bản đã có thể được kiểm tra lần cuối.

(2) Các hình phạt tài sản, hình phạt phụ, hậu quả kèm theo và các biện pháp (Điều 11 khoản 1 số 8) được tuyên ở quyết định trước được giữ lại trong trường hợp không bị huỷ bởi quyết định mới. Điều này cũng có hiệu lực tương ứng nếu mức hình phạt tài sản theo quyết định trước đã vượt giá trị tài sản của người thực hiện tội phạm tại thời điểm ra quyết định mới.

Như vậy, Theo BLHS Cộng hòa Liên bang Đức trường hợp *"một hành vi cấu thành nhiều tội"*, Tòa tuyên ngay một hình phạt chung trong phạm vi luật quy định cho tội có hình phạt nặng hơn trong số các tội đã phạm. Còn trường hợp *"nhiều hành vi cấu thành nhiều tội"*, Tòa quyết định hình phạt cho từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt theo nguyên tắc thu hút hoặc cộng hình phạt. Nếu một hình phạt chính là tù chung thân, thì thu hút hình phạt khác vào hình phạt tù chung thân [8, tr30-31].

1.3.2. Theo pháp luật hình sự Liên bang Nga

- Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và bị xét xử cùng một lần được quy định tại khoản 2 và 3 Điều 70 BLHS Liên bang Nga như sau:

"2. Nếu các tội đã phạm chỉ là tội ít nghiêm trọng thì hình phạt chung được quyết định bằng cách thu hút hình phạt nhẹ vào hình phạt nặng hơn hoặc cộng một phần hoặc toàn bộ hình phạt. Hình phạt chung không được vượt quá mức cao nhất của hình phạt đối với tội nặng nhất đã phạm.

3. Nếu các tội đã phạm chỉ là tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, thì hình phạt chung được quyết định bằng cách cộng một phần hoặc toàn bộ hình phạt. Hình phạt chung là tù có thời hạn không vượt quá 20 năm" [5, tr. 68].

- Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án cũng được quy định khá cụ thể về nguyên tắc, cách thức tổng hợp hình phạt và mức tối đa của hình phạt chung tại khoản 1 và khoản 3 Điều 71 BLHS:

"1. Trong trường hợp có nhiều bản án, phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước được cộng một phần hoặc toàn bộ vào hình phạt được quyết định theo bản án sau của Tòa án....

3. Hình phạt chung trong trường hợp bản án là hình phạt tù không được vượt quá 25 năm..." [5, tr. 68 - 69].

Như vậy, BLHS Nga cũng có nhiều cách tổng hợp hình phạt khác nhau mà không nhất thiết phải cộng toàn bộ hình phạt. Mức cao nhất của hình phạt được tổng hợp cũng có khác nhau tùy theo trường hợp. Tuy nhiên, mức cao nhất của hình phạt tù không vượt quá mức cao nhất của loại hình phạt đó.

1.3.3. Theo pháp luật hình sự Thủy Điện

Theo Điều 1 chương XXXIV BLHS Thủy Điện quy định "Nếu một người đã bị kết án phạt tù, hình phạt có điều kiện, buộc phải chịu thử thách hoặc đưa vào cơ sở chăm sóc người chưa thành niên phạm tội về một tội mà lại bị phát hiện phạm một tội khác trước khi có bản án đó hoặc nếu phạm một tội mới sau khi đã có bản án nhưng chưa chấp hành xong chế tài hoặc trước khi chấm dứt chế tài theo cách

khác, thì tùy từng trường hợp cụ thể và có cân nhắc đến các quy định từ Điều 2 đến Điều 7, Tòa án có thể:

1. Quyết định áp dụng chế tài của tội trước cho tội thứ hai;
2. Quyết định một chế tài riêng cho tội thứ hai, hoặc
3. Trường hợp bản án trước đã có hiệu lực pháp luật thì huỷ bỏ chế tài đã tuyên và áp dụng một chế tài khác chung cho cả hai tội.

Trường hợp hình phạt tù kết hợp với chế tài buộc phải chịu thử thách theo Điều 3 Chương 28 thì phạt tù được coi là một phần của chế tài buộc phải chịu thử thách khi áp dụng các quy định của Chương này ", [6, tr. 85 - 86]. Như vậy, về bản chất BLHS Thủy Điện chỉ áp dụng nguyên tắc thu hút để tổng hợp hình phạt , nguyên tắc này thể hiện rõ nhất tại các điều luật như sau:

Điều 2: *"Trường hợp người phạm tội bị kết án tù chung thân, thì toà án chỉ áp dụng khoản 1 Điều 1 Chương này".*

Điều 11: *"Nếu bản án tù chung thân được thi hành đồng thời với bản án phạt tiền, phạt tù chuyển thành phạt tiền, phạt tù có thời hạn, hình phạt có điều kiện hoặc buộc phải chịu thử thách hoặc đưa vào cơ sở chăm sóc người chưa thành niên phạm tội thì các chế tài khác sẽ thay bằng hình phạt tù chung thân"[6,tr97].*

1.3.4. Theo pháp luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Theo BLHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, tại các điều 70 và 71 có quy định về tổng hợp hình phạt trong hai trường hợp tương tự như khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS nước ta, nhưng theo quy định tại Điều 69, hình phạt tù chung không được vượt quá 20 năm [7, tr.10]. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không có quy định cụ thể về thẩm quyền tổng hợp hình phạt trong trường hợp người đang có nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp như khoản 3 Điều 51 BLHS nước ta.

Qua nghiên cứu so sánh pháp luật hình sự một số nước, chúng tôi thấy rằng pháp luật của các quốc gia nghiên cứu đã thể hiện được tính nghiêm minh, tính

nhân đạo cũng như cá thể hoá hình phạt trong đường lối xử lý của mình. Có thể có một số nhận xét như sau:

- Một là: Có nhiều cách tổng hợp hình phạt khác nhau tùy theo tính chất hành vi phạm tội được thực hiện;

- Hai là, Mức phạt chung không nhất thiết là tổng số học của các hình phạt được tuyên;

- Ba là, Mức phạt tù cao nhất được tổng hợp có thể là mức cao nhất của tội nặng nhất; phải thấp hơn tổng của các hình phạt; không vượt qua mức tối đa của loại hình phạt được quy định.

Kết luận chương 1

Trên đây là những nghiên cứu một cách khái quát nhất về Khái niệm, ý nghĩa, các nguyên tắc tổng hợp hình phạt; nghiên cứu chế định tổng hợp hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến 2015, đồng thời nghiên cứu chế định tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, từ đó góp phần đưa ra một cái nhìn khái quát nhất về chế định tổng hợp hình phạt của nước ta và của một số nước trên thế giới và góp phần hoàn thiện quy định về tổng hợp hình phạt mang tính kế thừa những ưu điểm, đúng định hướng, đúng bản chất của tổng hợp hình phạt.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỔNG HỢP HÌNH PHẠT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ

2.1. Các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tổng hợp hình phạt

2.1.1. Về thẩm quyền tổng hợp hình phạt

- Khoản 1 Điều 51 BLHS 1999 quy định: *“Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật này. Thời gian chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung”*.

Khoản 2 Điều 51 quy định: *“Khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật này”*.

Như vậy theo các quy định trên thì việc tổng hợp hình phạt do Tòa án tiến hành khi xét xử, tức là thẩm quyền thuộc Hội đồng xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm. Cần lưu ý là bản án được tổng hợp với phần hình phạt trong bản án mà Hội đồng xét xử ban hành phải là bản án đã có hiệu lực pháp luật và đang được chấp hành.

- Tại khoản 3 của Điều luật này quy định: *“Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của bản án chưa được tổng hợp, thì Chánh án Tòa án ra quyết định tổng hợp các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”*.

Hiện nay, việc xác định Chánh án Tòa án nào có thẩm quyền tổng hợp hình phạt vẫn áp dụng TTLN số 02/TTLN ngày 20/12/1991 của TANDTC và VKSNDTC. Các bản án đang có hiệu lực pháp luật đều của cùng một Tòa án thì Chánh án Tòa án đó ra quyết định tổng hợp hình phạt; của các Tòa án khác nhau nhưng cùng cấp thì Chánh án ra bản án sau cùng về mặt thời gian ra quyết định tổng hợp hình phạt; của các Tòa án không cùng cấp thì Chánh án Tòa án cấp cao

hơn ra quyết định tổng hợp hình phạt không phụ thuộc vào bản án của Tòa án cấp cao hơn có trước hay có sau; có bản án của Tòa án nhân dân, có bản án của Tòa án quân sự thì việc tổng hợp hình phạt cũng được thực hiện tương tự như các quy định trên.

2.1.2. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội do Điều 50 BLHS quy định được áp dụng khi có các điều kiện sau: "1) Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là có lỗi trong việc thực hiện hai tội phạm trở lên; 2) Những tội phạm đó do những điều luật khác nhau (các khoản khác nhau cùng một điều luật) của phần các tội phạm của BLHS quy định; 3) Đối với các tội phạm đã được thực hiện chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và việc ban hành đại xá không ảnh hưởng đến việc áp dụng hình phạt; 4) Người phạm tội chưa bị kết án về một trong những tội do họ đã thực hiện" [56, tr. 421].

- Nhà làm luật đã cụ thể hoá nguyên tắc cộng hình phạt tại điểm a, điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 50 BLHS như sau: 1/ nếu các hình phạt đã tuyên cùng là cải tạo không giam giữ hoặc cùng là tù có thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung, hình phạt chung không được vượt quá 03 năm đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, 30 năm đối với hình phạt tù có thời hạn; 2/ nếu các hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển thành hình phạt tù có thời hạn theo tỉ lệ cứ ba ngày cải tạo không giam giữ chuyển đổi thành một ngày tù để tổng hợp thành hình phạt tù chung; 3/ phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác, các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung.

Đối với hình phạt bổ sung, nguyên tắc cộng hình phạt cũng được cụ thể hóa tại điểm a khoản 2 Điều 50 BLHS: "*Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật này quy định đối với loại hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền được cộng lại thành hình phạt chung*".

- Nguyên tắc thu hút hình phạt được cụ thể hóa tại điểm c và d khoản 1 Điều 50 BLHS:

"c. Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân;

d. Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình".

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 điều luật này, không tổng hợp hình phạt tiền và trục xuất theo nguyên tắc thu hút vào hình phạt tù chung thân và tử hình.

- Theo quy định của BLHS còn có nguyên tắc cùng tồn tại. Nguyên tắc này được áp dụng khi không áp dụng được các nguyên tắc cộng hình phạt và nguyên tắc thu hút hình phạt, người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên. Nguyên tắc này được cụ thể hoá tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 50 BLHS là: *Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác; trục xuất không tổng hợp với các loại hình phạt khác.* Nguyên tắc cùng tồn tại cũng được áp dụng đối với hình phạt bổ sung và được cụ thể hóa tại điểm b khoản 2 Điều 50 BLHS: *"Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên"*.

Qua các quy định của Điều 50 BLHS cho thấy, theo BLHS hiện hành:

Thứ nhất, chỉ thu hút hình phạt khi có hình phạt tử hình hoặc tù chung thân; không thực hiện việc thu hút khi các hình phạt là tù có thời hạn;

Thứ hai, mức hình phạt tù tối đa trong tổng hợp hình phạt (30 năm) khác với mức tối đa của phạt tù có thời hạn đối với một tội (20 năm); trong khi đó mức tối đa khi tổng hợp hình phạt Cải tạo không giam giữ và các hình phạt khác cũng là mức tối đa của loại hình phạt đó đối với một tội.

Điều 55 BLHS 2015 cơ bản quy định giống Điều 50 BLHS 1999 về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội; chỉ có một sửa đổi nhỏ về kỹ thuật thể hiện mà thôi.

Tóm lại: Qua nghiên cứu quy định tại Điều 50 BLHS cho thấy, đây là trường hợp Tòa án tổng hợp hình phạt theo nguyên tắc nhất định trong trường hợp một người phạm nhiều tội và cùng bị đưa ra xét xử. Tuy nhiên, tên của điều

luật là quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là chưa chính xác. Quyết định hình phạt là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội. Đồng thời để cho việc quyết định hình phạt có căn cứ thì Tòa án phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Chỉ sau khi có quyết định hình phạt cho mỗi tội, thì mới thực hiện việc tổng hợp hình phạt.

2.1.3. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

"Trong thực tiễn xét xử cho thấy, không phải trong mọi trường hợp phạm nhiều tội, các tội phạm đều được phát hiện và đưa ra xét xử cùng một lúc, mà có trường hợp chúng được phát hiện và đưa ra xét xử ở những thời điểm khác nhau. Điều đó dẫn đến trường hợp là có khi một người đang phải chấp hành hình phạt của một bản án nào đó lại bị đưa ra xét xử về một tội phạm khác mà người đó đã thực hiện trước khi có bản án này" [56, tr. 427]. Khoản 1 Điều 51 BLHS quy định: "Trong trường hợp một người đang chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã... chấp hành hình phạt chung".

Trong trường hợp này, tội đang bị xét xử có thể là khác tội danh hoặc cùng tội danh với tội đã bị xét xử. Tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự quy định:

"Khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 50 Bộ luật hình sự này".

Tương tự như khoản 1 nêu trên, trong trường hợp này tội đang bị xét xử (tội mới) có thể là khác tội danh hoặc cùng tội danh với tội trước, nhưng bị xét xử ở những lần khác nhau.

So sánh khoản 1 và khoản 2 cho thấy: điểm giống nhau ở các khoản được thể hiện ở chỗ: "1) Chúng đều là những hình thức phạm tội thuộc chế định nhiều

tội phạm; 2) Đã có ít nhất một bản án về một trong các tội đã thực hiện; 3) Người bị kết án bị đưa ra xét xử về tội phạm khác trong khi người đó đang phải chấp hành một bản án"[56, tr. 429]. Quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS có điểm khác cơ bản, quyết định bản chất của hai trường hợp này. Trường hợp phạm tội quy định ở khoản 1, các tội phạm được thực hiện trước khi có các bản án, nhưng không bị xét xử cùng một lần. Còn trường hợp phạm tội theo quy định tại khoản 2, tội phạm mới được thực hiện khi người phạm tội đang phải chấp hành một bản án. Trường hợp này thể hiện tính nguy hiểm hơn trường hợp phạm tội tương tự theo khoản 1, mục đích cải tạo, phòng ngừa riêng không đạt được. Chính sự khác nhau này mà nhà làm luật đã quy định cách thức tổng hợp hình phạt theo khoản 2 nghiêm khắc hơn khoản 1, thể hiện ở chỗ: *tổng hợp hình phạt của tội mới với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước*, phần hình phạt của bản án trước đã chấp hành không được trừ vào hình phạt chung, nên thực tế người bị kết án có thể phải chấp hành hình phạt vượt mức tối đa 30 năm tù, 03 năm cải tạo không giam giữ.

Tại khoản 3 của Điều luật này quy định: "*Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của bản án chưa được tổng hợp, thì Chánh án Tòa án ra quyết định tổng hợp các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này*". Khoản 3 Điều 51 chỉ đơn thuần quy định thẩm quyền tổng hợp hình phạt; còn nguyên tắc tổng hợp thì vẫn theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Qua nghiên cứu, trao đổi và thực tiễn áp dụng cho thấy, Điều 51 BLHS có những quy định được hiểu, áp dụng không thống nhất và có sự bất cập sau:

- Về thuật ngữ "*một người đang phải chấp hành một bản án*" quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Có ý kiến cho rằng, một người đang phải chấp hành một bản án có nghĩa là thực tế người đó đang phải chấp hành hình phạt của bản án đó. Do vậy, mặc dù đang có bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng thực tế chưa chấp hành hình phạt, mà bị xét xử về tội đã thực hiện trước khi có bản án này, thì không tổng hợp hình phạt theo khoản 1 Điều 51 BLHS. Về vấn đề này, chúng tôi cho rằng, người đang phải chấp hành một bản án phải được hiểu là người đó

đang có nghĩa vụ pháp lý phải chấp hành bản án đó, nghĩa là họ đang có bản án đã có hiệu lực pháp luật, đúng như quan điểm "*Một người đang phải chấp hành một bản án được hiểu là về mặt pháp lý người đó có nghĩa vụ phải chấp hành một bản án. Đang phải chấp hành một bản án bao gồm trường hợp thực tế bị cáo đang chấp hành hình phạt và trường hợp về mặt pháp lý bị cáo phải chấp hành hình phạt, nhưng vì lý do nào đó mà trong thực tế chưa chấp hành hình phạt đó nhưng chưa hết thời hiệu chấp hành bản án.*" [54, tr.36].

Trong cả hai trường hợp chưa chấp hành hoặc đang chấp hành nhưng chưa chấp hành xong hình phạt của bản án trước, HĐXX đều phải tổng hợp hình phạt của tội đang bị xét xử với hình phạt của bản án trước. Chánh tòa Tòa hình sự TANDTC cũng có quan điểm "*... khi quyết định hình phạt về tội phạm đang bị xét xử, Tòa án phải tổng hợp với hình phạt của bản án trước chưa thi hành hoặc thi hành chưa xong, sau đó buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt chung cho các bản án*" và trong trường hợp khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án (*đã chấp hành nhưng chưa chấp hành xong hoặc chưa chấp hành*) mà lại phạm một tội mới... Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành." [35, tr.20].

- Về vấn đề thời gian đã tạm giữ, tạm giam có được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù chung không?

Đoạn 2 khoản 1 của Điều 51 BLHS chỉ quy định là *thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung*. Vậy, thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, có được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung (trong trường hợp hình phạt chung là tù có thời hạn hoặc cải tạo không giam giữ) hay không?. Vấn đề này, theo chúng tôi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam cũng phải được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung, vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, về căn cứ pháp lý, Tuy Điều 51 không quy định, nhưng tại đoạn 2 Điều 33 BLHS quy định: "*Thời gian bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng một ngày tù*". Đoạn 2 khoản 1 Điều 31 BLHS quy định: "*Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam*

thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ". Ngoài ra, tại điểm b tiểu mục 6.4 mục 6 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP, ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt; hướng dẫn: *"Trường hợp người bị xử phạt tù đã bị tạm giam thì lấy mức hình phạt tù trừ đi thời gian đã bị tạm giam để xác định mức hình phạt tù còn lại phải chấp hành".*

Như vậy, nếu hình phạt chung là hình phạt tù có thời hạn, Tòa án chuyển đổi thời gian tạm giữ, tạm giam thành hình phạt tù theo tỷ lệ 3:1 để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung; nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ, thì Tòa án quy đổi theo chiều ngược lại, chuyển thời gian tạm giữ, tạm giam thành hình phạt cải tạo không giam giữ theo tỷ lệ 1:3 để trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Thứ hai, thực tiễn tổng hợp hình phạt, chúng tôi vẫn trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời hạn chấp hành hình phạt chung bằng cách tính thời hạn chấp hành hình phạt tù chung từ ngày bị tạm giữ, tạm giam. Nếu thời gian bị tạm giữ, tạm giam và chấp hành hình phạt tù không liền nhau, thì tính thời hạn chấp hành hình phạt chung từ thời điểm bắt tạm giam sau cùng, thời hạn bị tạm giữ, tạm giam trước đó được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

- Về cách tính hình phạt chung trong trường hợp hình phạt của bản án trước là cải tạo không giam giữ, của bản án sau là tù có thời hạn.

Đối với người đang phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ mà lại bị xét xử về tội đã được thực hiện trước khi có bản án này, thì chuyển toàn bộ hình phạt cải tạo không giam giữ của bản án trước theo tỷ lệ 3:1, sau đó tổng hợp hình phạt tù đã được chuyển đổi này với hình phạt tù của bản án sau. Thời gian đã chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển thành hình phạt tù, sau đó trừ phần hình phạt tù đã được quy đổi thành hình phạt chung (*tổng hợp trước, trừ sau*). Trong thực tiễn xét xử hay có sự nhầm lẫn là Tòa án lấy hình phạt cải tạo không giam giữ trong bản án trước trừ đi thời gian thực tế

đã chấp hành, phần hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại được chuyển thành hình phạt tù có thời hạn theo tỷ lệ 3:1, sau đó tổng hợp hình phạt này với hình phạt tù của bản án sau. Cách tổng hợp hình phạt như vậy là không đúng với tinh thần của khoản 1 Điều 51 BLHS, đúng như nhận định của Chánh án Tòa hình sự TANDTC: "*Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, các Tòa án thường trừ thời gian đã chấp hành hình phạt trước rồi mới tổng hợp sau (nếu tổng hợp như vậy, trong trường hợp hình phạt của các bản án tổng hợp là trên 30 năm tù thì sẽ gây thiệt hại cho người phạm tội).*" [34, tr33-34].

Trường hợp người đang phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của một bản án mà lại bị xét xử về tội phạm mới, Tòa án lấy hành hình phạt cải tạo không giam giữ trong bản án trước trừ đi thời gian thực tế đã chấp hành, phần hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại được chuyển thành hình phạt tù có thời hạn theo tỷ lệ 3:1, sau đó tổng hợp hình phạt này với hình phạt tù của bản án sau (*trừ trước, tổng hợp sau*).

- Về cách tính phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước

Phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước được tính bằng cách lấy hình phạt của bản án đó trừ đi phần hình phạt đã chấp hành. Trong trường hợp người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam, việc xác định phần hình phạt chưa chấp hành còn có sự nhận thức không thống nhất ở vấn đề: thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam có được coi là thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước để xác định phần hình phạt chưa chấp hành của bản án đó không? Theo chúng tôi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam cần được coi là thời gian chấp hành hình phạt tù như đã phân tích ở trên đây và được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của bản án trước.

*Thực tiễn xét xử cho thấy, có những trường hợp người đang có bản án chưa có hiệu lực pháp luật thì lại phạm tội mới. Do Điều 51 BLHS chưa quy định về trường hợp này, nên có sự lúng túng trong sự áp dụng căn cứ pháp luật để tổng hợp hình phạt. Ví dụ 1: Tại bản án số 25/HSST ngày 06/9/2012 của Tòa án quân sự Quân khu 4 đã xử phạt Nguyễn Văn Bình 12 năm tù về tội "*Mua bán trái phép vũ khí quân dụng*" và 01 năm về tội "*Trốn khỏi nơi giam*", buộc bị cáo phải chấp hành*

hình phạt chung là 13 năm tù. Sáng ngày 22/9/2012, Bình đã trốn khỏi nơi giam. Ngày 14/10/2015, Bình bị bắt theo lệnh truy nã. Tại bản án số 14/2016/HSST ngày 30/7/2016 của Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 4 đã xử phạt Bình 18 tháng tù về tội "*Trốn khỏi nơi giam*"; áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS buộc Bình phải chấp hành hình phạt chung là 14 năm 06 tháng tù, được trừ thời gian đã bị tạm giam trước đó vào thời hạn chấp hành hình phạt chung. Ví dụ 2: Trịnh Văn Chung bị Tòa án quân sự Quân khu 7 xét xử sơ thẩm vắng mặt ngày 24/3/2013 và bị xử phạt 15 năm tù về tội "*Giết người*"; 03 năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*"; buộc Chung phải chấp hành hình phạt chung là 18 năm tù. Ngày 31/3/2013, Bản án số 26/2013/HSST ngày 24/3/2013 của Tòa án quân sự Quân khu 7 được niêm yết tại trụ sở UBND phường Hưng Bình, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Trước đó, ngày 04/02/2013, Trịnh Văn Chung trốn khỏi nơi giam. Ngày 31/3/2013, Chung bị Công an quận 12, thành phố Hồ Chí Minh bắt khi đang tàng trữ 04 tép Hêrôin. Tại bản án số 28/2013/HSST ngày 16/10/2013 Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 7 đã xử phạt Trịnh Văn Chung 12 tháng tù về tội "*Trốn khỏi nơi giam*" và 36 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", buộc Chung phải chấp hành hình phạt chung là 48 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt của hai bản án là 48 tháng + 16 năm 05 tháng tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/8/2013[47, tr23].

Hai vụ án này có hai điểm chung là, người bị kết án bằng bản án chưa có hiệu lực pháp luật mà lại phạm tội mới. Trong ví dụ thứ nhất, tội mới là tội Trốn khỏi nơi giam; trong ví dụ thứ hai, tội mới là tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 4 áp dụng khoản 1 Điều 51, còn Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 7 áp dụng khoản 2 Điều 51 để tổng hợp hình phạt. Do chưa có quy định cụ thể, nên theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì cần áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS. Để có căn cứ pháp luật, cần bổ sung vào BLHS quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp này.

- Về thuật ngữ "*Một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật*" quy định tại khoản 3 Điều 51 BLHS. Có quan điểm cho rằng, đây là trường

hợp một người đang có nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng chưa chấp hành hình phạt của bản án nào. Chúng tôi cho rằng, "*Một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật*", được hiểu là người đó đang có nghĩa vụ pháp lý phải chấp hành hình phạt của các bản án này. Thực tế thì người này có thể đang chấp hành một bản án nào đó hoặc chưa chấp hành bản án nào. Qua nghiên cứu một số quyết định tổng hợp hình phạt của Chánh án các Tòa án quân sự Quân khu cho thấy, có những trường hợp người bị kết án đang bị tạm giam (chưa chấp hành hình phạt của các bản án), Chánh án Tòa án cấp dưới hoặc Giám thị trại tạm giam phát hiện người đó đang có nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật và gửi Công văn đề nghị Chánh án các Tòa án quân sự Quân khu tổng hợp hình phạt.

Nghiên cứu Điều 56 BLHS 2015 chúng tôi thấy cơ bản giống quy định của Điều 51 BLHS 1999; chỉ có khác nhau một số điểm rất nhỏ về kỹ thuật thể hiện đảm bảo độ chính xác của quy định.

2.1.4. Tổng hợp hình phạt trong các trường hợp đặc biệt

2.1.4.1. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có án treo

Theo khoản 1 Điều 60 BLHS, án treo được hiểu là *biện pháp miễn chấp hành hình phạt có điều kiện* [28, tr.230]. Theo NQ số 01/NQ-HĐTP ngày 18/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, thời gian thử thách của án treo tính từ ngày tuyên bản án cho hưởng án treo; nếu có nhiều bản án cho hưởng án treo thì tính từ ngày đầu tiên cho hưởng án treo. Án treo không phải là biện pháp cho miễn hẳn nghĩa vụ chấp hành hình phạt tù, mà là miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Nếu người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước.

- Người đang trong thời gian thử thách của án treo mà lại bị xét xử về tội đã được thực hiện trước khi có bản án cho hưởng án treo

Trường hợp hình phạt của bản án sau là hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn. Án treo không phải là hình phạt mà là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. BLHS không có quy định nào cho phép tổng hợp án treo với hình phạt tù hoặc cải tạo không giam giữ của bản án sau, vừa phải chấp

hành thời gian thử thách của bản án cho hưởng án treo, thời gian chấp hành hình phạt tù hoặc cải tạo không giam giữ được tính vào thời gian thử thách của án treo. Tại mục 2 phần IV của Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 18/10/1990 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn: "*Nếu Tòa án không cho hưởng án treo một lần nữa và người bị kết án chấp hành hình phạt tù trong thời gian thử thách của án treo thì thời gian chấp hành hình phạt tù được tính vào thời gian thử thách của án treo*" [40]. Hướng dẫn này không trái với BLHS hiện hành, nên vẫn được áp dụng trong thực tiễn tổng hợp hình phạt. Tại điểm a mục 6 Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20/12/1991 của TANDTC, VKSNDTC cũng hướng dẫn: "*Không tổng hợp hình phạt đối với một người có nhiều hành vi phạm tội và đã bị kết án theo các bản án khác nhau, nếu người đó: Đều bị phạt tù, nhưng theo bản án này thì được hưởng án treo; bị phạt tù, nhưng được hưởng án treo theo bản án này và bị phạt với hình phạt khác không phải là tù theo bản án khác...*".

Theo hướng dẫn này, không tổng hợp án treo với hình phạt cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn.

Trường hợp hình phạt của bản án sau không phải hình phạt cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Nếu hình phạt của bản án sau là cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các bản án. Nếu hình phạt của bản án sau là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ cần buộc người bị kết án chấp hành hình phạt tù chung thân hoặc tử hình (thu hút án treo vào hai loại hình phạt này), bởi vì: không thể thi hành đồng thời bản án tuyên hình phạt tử hình và bản án cho hưởng án treo với một người, người đã bị tử hình rồi thì không thể chấp hành bản án cho hưởng án treo; ngược lại nếu buộc người bị kết án phải thi hành bản án cho hưởng án treo xong, sau đó mới thi hành bản án tử hình thì sẽ kéo dài thời gian thi hành bản án tuyên hình phạt tử hình một cách không cần thiết; việc thi hành bản án treo trong trường hợp này không có mục đích, ý nghĩa gì, vì khi họ chấp hành xong bản án cho hưởng án treo thì bị tử hình; nếu hình phạt đã tuyên của bản án sau là chung thân, về lý thuyết người bị kết án có thể chấp hành đồng thời hai bản án, thời gian chấp hành tù chung thân được tính vào thời gian thử thách của án treo

(cũng là thời gian đang chấp hành hình phạt tù chung thân), người bị kết án lại phạm tội mới, thì có bắt họ chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo, khi tổng hợp hình phạt tù chung thân với hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt chung vẫn là tù chung thân.

Trường hợp bản án sau quyết định hình phạt tù và cho hưởng án treo. Do tội xét xử sau xảy ra trước khi có bản án cho hưởng án treo, nên Hội đồng xét xử có thể tuyên hình phạt tù và cho người bị kết án hưởng án treo. Vậy có tổng hợp án treo với án treo không? Vấn đề này đã được hướng dẫn tại mục 2 phần IV Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 18/10/1990 của Hội đồng thẩm phán TANDTC như sau:

"Nếu cho người bị kết án hưởng án treo một lần nữa, thì Tòa án tổng hợp hình phạt tù của hai bản án và ấn định thời gian thử thách chung cho cả hai bản án. Trong trường hợp này cần chú ý là chỉ khi hình phạt chung của hai bản án không vượt quá 05 năm tù thì mới được cho hưởng án treo và thời gian thử thách chung không được dưới 01 năm, không được quá 05 năm và không được ít hơn mức hình phạt tù chung".

TANDTC và VKSNDTC đã ban hành Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20/12/1991, trong đó có hướng dẫn về điểm a mục 6 như sau:

"Theo tinh thần tại Điều 44 BLHS thì án treo là miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Do đó, không phải tổng hợp hình phạt đối với một người có nhiều hành vi phạm tội và đã bị kết án theo các bản án khác nhau, nếu người đó: Đã bị phạt tù, nhưng đều được hưởng án treo..."

Như vậy, hướng dẫn tại TTLN số 02/TTLN ngày 20/12/1991 khác với hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 18/10/1990 của Hội đồng thẩm phán TANDTC về vấn đề tổng hợp án treo với án treo. Thông tư này ban hành sau Nghị quyết nêu trên, do đó theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cần phải áp dụng hướng dẫn tại thông tư này. Tuy đã được hướng dẫn như trên, nhưng vẫn còn sự nhận thức và áp dụng không thống nhất, có Tòa án vẫn tổng hợp án treo với án treo. Theo tác giả Đinh Văn Quế, nguyên Chánh tòa Tòa hình sự TANDTC thì: *"Nếu bản án sau cũng là án treo thì cả hai bản án treo*

đều song song tồn tại" và "TAND thành phố Long Xuyên tổng hợp hai bản án treo là trái với quy định của BLHS...".

- Người đang trong thời gian thử thách của án treo mà phạm tội mới

Theo quy định tại khoản 5 Điều 60 BLHS thì, người phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo, Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 51 BLHS. Như vậy, không tổng hợp ngay hình phạt của tội mới với hình phạt tù của bản án trước khi chưa căn cứ vào khoản 5 Điều 60 BLHS để tuyên buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước.

Trong trường hợp tội mới bị phạt tù, Tòa án tổng hợp hình phạt tù của tội mới với hình phạt tù của bản án trước, thời gian thử thách mà người bị kết án đã chấp hành không được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù chung, vì thời gian thử thách không phải là thời gian bị tạm giữ, tạm giam hay thời gian chấp hành hình phạt tù. Tội phạm mới có thể bị phát hiện, xét xử sau khi người bị kết án đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo, nhưng người phạm tội vẫn phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước. Tại mục 3, phần IV Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 18/10/1990 của Hội đồng thẩm phán TANDTC đã hướng dẫn như sau: *"...Việc xét xử và tổng hợp hình phạt vẫn tiến hành như trường hợp tội phạm đó được tiến hành trong thời gian thử thách của án treo, Tòa án nào đã cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho người bị kết án, thì Tòa án đó phải ra quyết định hủy giấy chứng nhận xóa án đã cấp sai"*. Hướng dẫn này phù hợp với quy định của BLHS hiện hành, nên vẫn được áp dụng trong thực tiễn tổng hợp hình phạt. Cũng theo hướng dẫn tại mục 4 của Nghị quyết này, nếu bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo và họ đã bị tạm giam thì thời gian tạm giam về tội cũ cũng như về tội mới được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

- Khoản 5 Điều 65 BLHS 2015 quy định: "Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm

tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này”.

Như vậy, khoản 5 Điều 65 BLHS 2015 quy định thêm trường hợp vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Đây là quy định hợp lý nhằm tăng trách nhiệm của người được hưởng án treo.

Khi tổng hợp hình phạt chung ta cần lưu ý nội dung Điều 6 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 hướng dẫn áp dụng Điều 60 BLHS.

2.1.4.2. Tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

Xuất phát từ hạn chế về tâm, sinh lý và thể chất của người chưa thành niên, nên chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta có những quy định riêng đối với người chưa thành niên phạm tội. Vấn đề này được quy định cụ thể tại Chương X BLHS 1999. Các quy định về hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định theo hướng nhẹ hơn đối với người thành niên phạm tội. Đồng thời BLHS 1999 cũng quy định riêng về tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội để đảm bảo đúng mục đích áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên là nhằm cải tạo giáo dục họ.

- Quyết định hình phạt trong trường hợp có tội được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên, có tội được thực hiện khi người đó đã thành niên

Căn cứ vào tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên hay đã thành niên, nhà làm luật đã quy định tổng hợp hình phạt theo hai trường hợp tại Điều 75 của BLHS: nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 của Bộ luật này (khoản 1); nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên, hình phạt chung được áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội (khoản 2).

Để tổng hợp hình phạt trong trường hợp tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa đủ 18 tuổi, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó căn cứ vào Điều 50, Điều 51 tương ứng và Điều 75 của BLHS để tổng hợp hình phạt. Cụ thể là:

- Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi mà điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình,

thì mức hình phạt tù chung cao nhất không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn, thì mức hình phạt chung cao nhất không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định.

- Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi mà điều luật quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt tù chung cao nhất không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn, thì mức hình phạt tù chung cao nhất không vượt quá 1/2 mức phạt tù mà điều luật quy định.

Qua nghiên cứu cho thấy, quy định giới hạn mức hình phạt tù tối đa theo Điều 74 và Điều 75 của BLHS chỉ có thể chấp nhận được trong trường hợp tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên, sau khi thành niên người này lại phạm một hoặc nhiều tội mà hình phạt đối với tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội thấp hơn hoặc bằng mức hình phạt tối đa quy định tại Điều 74 của Bộ luật này. Còn trường hợp hình phạt đối với tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên cao hơn mức hình phạt tối đa theo quy định, thì quy định tại khoản 1, Điều 75 đã bộc lộ rõ sự bất hợp lý. Bởi lẽ, hình phạt của tội hoặc của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên đã cao hơn mức hình phạt cao nhất theo quy định tại Điều 74 của BLHS, nhưng tổng hợp hình phạt này với hình phạt của tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên, thì hình phạt chung của tất cả các tội lại thấp hơn hình phạt của tội hoặc của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên (chỉ bằng mức tối đa theo Điều 74 của BLHS). Ví dụ: Một người phạm Tội giết người theo khoản 1, Điều 93 của BLHS khi 17 tuổi 11 tháng, sau đó người này lại phạm Tội cướp tài sản theo khoản 3, Điều 133 khi 18 tuổi 02 tháng và Tội cố ý gây thương tích theo khoản 3, Điều 104 của BLHS. Tòa án đưa bị cáo ra xét xử trong một lần về 3 tội trên và tuyên phạt 14 năm tù về Tội giết người, 12 năm về Tội cướp tài sản, 10 năm về Tội cố ý gây thương tích. Trong trường hợp này, tội nặng nhất là Tội giết người, có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên; do đó, hình phạt chung của các tội trên theo quy định tại khoản 1, Điều 74 và khoản 1, Điều 75 có mức tối đa là 18 năm tù. Trong khi đó, hình phạt chung của hai tội: Tội cướp tài sản và Tội cố ý gây thương tích đã là 12 năm + 10

năm = 22 năm. Nhưng khi tổng hợp hình phạt của hai tội này với hình phạt 14 năm tù của Tội giết người theo quy định của Điều 74 và Điều 75 BLHS, hình phạt chung là 18 năm, ít hơn hình phạt chung của hai tội: Tội cướp tài sản và Tội cố ý gây thương tích là bất hợp lý.

- Quyết định hình phạt trong trường hợp các tội đều được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên

BLHS 1999 chưa quy định cụ thể về trường hợp này và các cơ quan hữu quan cũng chưa có văn bản hướng dẫn. Theo quy định của BLHS, người chưa thành niên được chia thành hai nhóm với đường lối xử lý khác nhau: nhóm người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi và nhóm người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi. Do các tội đều được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên, nên đương nhiên tội nặng nhất cũng được thực hiện khi người phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Khoản 1, Điều 75 quy định tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa đủ 18 tuổi, tội hoặc các tội khác được thực hiện khi người đó đã thành niên, mức hình phạt tù chung không được vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 74. Do vậy, theo logic thông thường, tội nặng nhất và tội hoặc các tội khác nhẹ hơn đều được thực hiện khi người phạm tội chưa đủ 18 tuổi, hình phạt tù chung cũng không thể vượt mức cao nhất theo quy định tại Điều 74 của BLHS. Trong điều này, người chưa thành niên được chia thành hai nhóm tương ứng với hai khoản là khoản 1 và khoản 2 với mức hình phạt cao nhất khác nhau. Theo đó, mức hình phạt tù tối đa đối với người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phạm tội thấp hơn mức hình phạt tù tối đa đối với người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội tương ứng. Do vậy, mức hình phạt tù tổng hợp tối đa tùy thuộc vào tội nặng nhất được thực hiện khi người chưa thành niên phạm tội ở độ tuổi nào, cụ thể:

+ Trường hợp các tội đều được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi. Theo tinh thần của khoản 1, Điều 75, hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất theo quy định tại khoản 2, Điều 74 của BLHS. Nghĩa là, nếu khung hình phạt đối với tội nặng nhất của điều luật được áp dụng là tù

chung thân hoặc tử hình, hình phạt chung không được vượt quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn, mức hình phạt tù tổng hợp cao nhất không được vượt quá 1/2 mức phạt tù của khung hình phạt đối với tội nặng nhất. Ví dụ: Một người 14 tuổi 06 tháng phạm Tội trộm cắp tài sản theo khoản 3, Điều 138 của BLHS; sau đó lại phạm Tội cố ý gây thương tích theo khoản 3, Điều 104 của BLHS khi 15 tuổi. Toà án đưa ra xét xử cùng một lần hai tội và xử phạt bị cáo 4 năm tù về Tội trộm cắp tài sản, 4 năm về Tội cố ý gây thương tích. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05-11-2004 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, hình phạt tù tổng hợp của hai tội trên không quá 1/2 của khung hình phạt cao nhất của tội nặng nhất ở khoản 3, Điều 104 (15 năm) = 07 năm 06 tháng tù. Do bị giới hạn bởi mức cao nhất này, nên mức hình phạt tù tổng hợp của hai tội không phải là 08 năm (04 năm + 04 năm = 08 năm), mà là 07 năm 06 tháng tù.

+ Trường hợp các tội đều được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi. Theo tinh thần của khoản 1, Điều 75, hình phạt chung không được vượt quá mức cao nhất theo quy định tại khoản 1, Điều 74 của BLHS. Nghĩa là, nếu khung hình phạt của tội nặng nhất được áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, mức hình phạt chung cao nhất không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn, mức hình phạt chung cao nhất không quá 3/4 mức phạt tù của khung hình phạt đối với tội nặng nhất.

+ Trường hợp có tội được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, có tội được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi. Trong trường hợp này, Toà án cần phải xác định tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi nào để tổng hợp hình phạt. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, tội khác được thực hiện ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, hình phạt chung không được vượt quá mức cao nhất theo quy định tại khoản 2, Điều 74 của BLHS như đã nêu ở trường hợp thứ nhất. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, tội khác được thực hiện ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, hình phạt chung không

được vượt quá mức cao nhất theo quy định tại khoản 1, Điều 74 của BLHS như đã nêu ở trường hợp thứ hai.

- BLHS 2015 đã có nhiều quy định mới về tổng hợp hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, khắc phục được những bất cập của BLHS 1999. Cụ thể là:

+ Điều 103 BLHS 2015 quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội có những điểm mới sau:

Thứ nhất, khoản 1 Điều 103 BLHS 2015 đã quy định cụ thể mức hình phạt tối đa khi tổng hợp: cải tạo không giam giữ thì không quá 3 năm; nếu là tù có thời hạn đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi tối đa là 12 năm và người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì tối đa là 18 năm;

Thứ hai, Điều 103 BLHS 2015 bổ sung quy định nguyên tắc tổng hợp hình phạt trong trường hợp trong trường hợp các tội được thực hiện trước 18 tuổi;

Thứ ba, BLHS 2015 đã hoàn thiện thêm một bước quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội tại khoản 2, khoản 3 Điều 103 theo hướng không cần so sánh mức hình phạt đã tuyên trên thực tế để xác định mức tối đa khi tổng hợp hình phạt.

- Điều 104 BLHS 2015 có quy định mới về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án *“Việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước hoặc sau khi có bản án này, được thực hiện theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật này.*

Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 103 của Bộ luật này”.

- Ngoài ra, BLHS 2015 quy định cụ thể về tổng hợp hình phạt trong trường hợp pháp nhân thương mại phạm nhiều tội (Điều 86) và về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với pháp nhân thương mại (Điều 87).

Có thể nói BLHS 2015 cơ bản đã sửa đổi, bổ sung theo hướng hoàn thiện hơn nữa các quy định về tổng hợp hình phạt mà BLHS 1999 còn vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các quy định về tổng hợp hình phạt trong BLHS 2015, chúng tôi thấy rằng vẫn còn những vướng mắc, bất cập mà BLHS 2015

vẫn chưa khắc phục triệt để. Vấn đề này chúng tôi sẽ phân tích và làm rõ hơn trong phần thực tiễn áp dụng các quy định về tổng hợp hình phạt.

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự

2.2.1. Kết quả đạt được

Qua thực tiễn xét xử, áp dụng các quy định của BLHS về tổng hợp hình phạt cũng như nghiên cứu khoảng 250 bản án (trong đó có 122 bản án có tổng hợp hình phạt) hình sự sơ thẩm, phúc thẩm của các Tòa án quân sự khu vực và Tòa án quân sự Quân khu trong toàn quân, cũng như các Thông báo kiểm tra án của Tòa án quân sự Trung ương từ 2011 - 2016, chúng tôi thấy rằng về cơ bản các Tòa án quân sự đều áp dụng thống nhất, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về tổng hợp hình phạt đối với các trường hợp quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án, tổng hợp hình phạt trong trường hợp có án treo và tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

2.2.2. Những sai sót trong thực tiễn tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự và nguyên nhân

2.2.2.1. Những sai sót:

Mặc dù việc tổng hợp hình phạt của các Tòa án quân sự cơ bản là đúng đắn, nhưng vẫn còn có những sai sót nhất định trong thực tiễn tổng hợp hình phạt trường hợp phạm nhiều tội cũng như của nhiều bản án. Các sai sót đó thể hiện ở các điểm sau:

- Không tính thời gian được giảm chấp hành hình phạt vào thời gian đã chấp hành hình phạt. Ví dụ: Trong khi đang chấp hành hình phạt 5 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 11/2015/HSST ngày 12/4/2015 của Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 5 thì Lê Thuận Kiều bị truy tố và đưa ra xét xử về tội "Cướp tài sản". Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2015/HSST ngày 22/10/2015, Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 5 đã tuyên bố Nguyễn Văn Bình phạm tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo Kiều 4 năm tù. Do bị cáo Kiều đang phải chấp hành hình phạt 5 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2015/HSST ngày 12/4/2015 của Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 5 nên tổng

hợp với bản án này buộc bị cáo Kiều chấp hành hình phạt chung là 09 năm tù theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/10/2015. Bản án này không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Bản án này khi tổng hợp hình phạt, Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 5 không đổi trừ thời gian mà bị cáo Kiều đã chấp hành hình phạt 05 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 11/2015/HSST ngày 12/4/2015, từ ngày 12/4/2015 đến ngày tuyên án (tuyên án trong một ngày) là 06 tháng 10 ngày. Lẽ ra trong trường hợp này theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS phải tuyên là tổng hợp hình phạt chung Nguyễn Văn Bình phải chấp hành là 09 năm tù, trừ thời gian chấp hành của bản án hình sự sơ thẩm số 11/2015/HSST ngày 12/4/2015 là 06 tháng 10 ngày, thời hạn tù còn lại phải chấp hành là 09 năm 05 tháng 20 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/10/2015. Như vậy, cách tính trên là trái với tinh thần của điều luật và gây bất lợi cho bị cáo, vụ án này đã được Tòa án quân sự Trung ương khắc phục bằng thủ tục giám đốc thẩm.

- Sai thẩm quyền tổng hợp hình phạt. Qua nghiên cứu một số quyết định tổng hợp hình phạt của Chánh án các Tòa án quân sự của các Quân khu cho thấy, có những trường hợp người bị kết án đang bị tạm giam (chưa chấp hành hình phạt của các bản án), Chánh án Tòa án cấp dưới hoặc Giám thị trại tạm giam phát hiện người đó đang có nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật và gửi Công văn đề nghị Chánh án Tòa án quân sự Quân khu tổng hợp hình phạt. Ví dụ 1: Trong khi Hoàng Thanh Tú đang bị tạm giam thì ngày 23/11/2013, Giám thị trại tạm giam Quân khu 5 đã gửi Công văn số 1691/PC35 đề nghị Chánh án Tòa án quân sự Quân khu 5 tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với Tú. Ngày 30/3/2014, Chánh án Chánh án Tòa án quân sự Quân khu 5 đã ra quyết định số 17/2014/QĐ-CA tổng hợp hình phạt 12 năm tù tại bản án số 43/2012/HSST ngày 15/11/2012 của Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 5 với hình phạt 36 tháng tù tại bản án số 443/2011/HSST ngày 31/7/2011 của TAND huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An; buộc Hoàng Thanh Tú phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 năm tù. Ví dụ 2: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2012/HSST ngày 11/11/2012, Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu

1 xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Hải 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" bản án này đã được thi hành theo đúng quy định của pháp luật. Khi đang chấp hành hình phạt tại Trại Tạm giam Quân khu 1, bị cáo Nguyễn Xuân Hải đã bị phát hiện và thu giữ trong người 05 tép Heeroin (quá trình giám định được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật) theo định lượng được xác định tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2013/HSST ngày 10/4/2013, Tòa án quân khu vực 1 Quân khu 1, áp dụng khoản 1 Điều 194 đã xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Hải 04 (bốn) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bản án này đã được thi hành đúng luật thi hành án hình sự. Xét thấy bị cáo Nguyễn Xuân Hải phải chấp hành đồng thời hai bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng chưa được tổng hợp các hình phạt với nhau, ngày 13/5/2013 Tòa án quân khu vực 1 Quân khu 1 ra Quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

Theo hướng dẫn tại Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20/12/1991 của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thì *"trong trường hợp các bản án đã có hiệu lực pháp luật là của các Tòa án không cùng cấp, thì Chánh án Tòa án cấp cao hơn ra quyết định tổng hợp hình phạt, không phụ thuộc vào việc bản án của Tòa án cấp cao hơn có trước hay có sau"*. Hướng dẫn này cho đến nay chưa có hướng dẫn nào mới thay thế và vẫn đang được áp dụng. Như vậy, trường hợp này thẩm quyền ra quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án thuộc Chánh án Tòa án quân sự Quân khu 1 mới đúng, sai lầm này đã được Tòa án quân sự Quân khu 1 khắc phục theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Tổng hợp hình phạt không đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ví dụ: Trong khi đang chấp hành hình phạt 10 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 15/2015/HSST ngày 12/6/2015 của Tòa án quân sự Quân khu 7 thì Nguyễn Văn Bình bị truy tố và đưa ra xét xử về tội *"Cố ý gây thương tích"* trước khi có bản án hình sự sơ thẩm số 15/2015/HSST ngày 12/6/2015. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HSST ngày 12/12/2015, Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 7 đã tuyên bố Nguyễn Văn Bình phạm tội *"Cố ý gây thương tích"* theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo Bình 01 năm tù. Do bị cáo Bình đang phải

chấp hành hình phạt 10 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2015/HSST ngày 12/6/2015 của Tòa án quân sự Quân khu 7 nên tổng hợp với bản án này buộc bị cáo Bình chấp hành hình phạt chung là 11 năm tù theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/12/2015. Bản án này không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Bản án này khi tổng hợp hình phạt, Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 7 không đối trừ thời gian mà Bình đã chấp hành hình phạt 10 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 15/2015/HSST ngày 02/6/2015, từ ngày 12/06/2015 đến ngày tuyên án (tuyên án trong một ngày) là 06 tháng. Lẽ ra trong trường hợp này theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS phải tuyên là tổng hợp hình phạt chung Nguyễn Văn Bình phải chấp hành là 11 năm tù, trừ thời gian chấp hành của bản án hình sự sơ thẩm số 15/2015/HSPT ngày 12/6/2015 là 06 tháng, thời hạn tù còn lại phải chấp hành là 10 năm 06 tháng. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/12/2015. Như vậy, cách tính trên là trái với tinh thần của điều luật và gây bất lợi cho bị cáo, vụ án này đã được Tòa án quân sự Trung ương khắc phục bằng thủ tục giám đốc thẩm.

- Tổng hợp hình phạt không đúng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ví dụ: Chiều ngày 12 tháng 8 năm 2014 theo kế hoạch làm việc tại Trại giam quân sự khu vực miền Bắc, Cục điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng. Quản giáo Nguyễn Tiến Toàn dẫn 27 phạm nhân, trong đó có Triệu Quân Sự cơ động đến khu giam cũ, hiện đang cải tạo thành khu chăn nuôi để lao động. Đến khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày khi được quản giáo cho nghỉ giải lao, Triệu Quân Sự đã trèo lên cây keo mọc cách bờ tường khu giam 1,9m nhảy ra ngoài bỏ trốn. Đến khoảng 11 giờ 50 phút ngày hôm sau, khi đi đến ngã ba, đoạn giao nhau giữa Quốc lộ 217 với Quốc lộ 1A thuộc địa phận Tiểu khu 4, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã bị anh Lê Văn Thuyết là cán bộ Trại giam quân sự khu vực miền Bắc, Cục điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng bắt lại và đưa về trại giam.

Tại phần xét thấy của bản án hình sự sơ thẩm số 05/2014/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 4 nhận định, bị cáo

Triệu Quân Sự đang phải chấp hành bản án số 02/2013/HSST ngày 15/3/2013 của Tòa án quân sự Quân khu 1 mà lại phạm tội mới. Do vậy, áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Tại phần quyết định của bản án, Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 4 đã áp dụng khoản 1 Điều 311; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Quân Sự 03 (ba) năm tù. Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 28 (hai mươi tám) năm tù của bản án số 02/2013/HSST ngày 15/3/2013 của Tòa án quân sự Quân khu 1, buộc bị cáo Triệu Quân Sự phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi năm tù) năm tù, trừ thời gian chấp hành của bản án hình sự sơ thẩm số 02/2013/HSST ngày 15/3/2013 của Tòa án quân sự Quân khu 1 là 01 năm 09 tháng 11 ngày, thời hạn tù còn lại phải chấp hành là 28 năm 02 tháng 19 ngày.

Nhận thấy việc tổng hợp hình phạt là không đúng với tinh thần của khoản 2 Điều 51 BLHS, nên Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 4 có Công văn đề nghị Chánh án Tòa án quân sự Quân khu 4 kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2014/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 4 theo thủ tục giám đốc thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01 ngày 22/4/2015, ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự Quân khu 4 tuyên hủy bản án hình sự sơ thẩm số 05/2014/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 4 để xét xử sơ thẩm lại.

- Sai lầm trong nhận thức khoản 3 Điều 51 BLHS. Về thuật ngữ "*Một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật*". Có quan điểm cho rằng, đây là trường hợp một người đang có nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng chưa chấp hành hình phạt của bản án nào. Chúng tôi cho rằng, "*Một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật*", được hiểu là người đó đang có nghĩa vụ pháp lý phải chấp hành hình phạt của các bản án này. Người này có thể đang chấp hành một bản án nào đó hoặc chưa chấp hành bản án nào trên thực tế.

Qua nghiên cứu một số quyết định tổng hợp hình phạt của các Chánh án các Tòa án quân sự Quân khu cho thấy, có những trường hợp người bị kết án đang bị tạm giam (chưa chấp hành hình phạt của các bản án), Chánh án Tòa án cấp dưới

hoặc Giám thị trại tạm giam phát hiện người đó đang có nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật và gửi Công văn đề nghị các Tòa án quân sự Quân khu tổng hợp hình phạt. Ví dụ: Trong khi Hoàng Thanh Tú đang bị tạm giam thì ngày 23/11/2014, Giám thị trại tạm giam Quân khu 5 đã gửi Công văn đề nghị Chánh án các Tòa án quân sự Quân khu 5 tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với Tú. Ngày 28/12/2014, Chánh án Tòa án quân sự Quân khu 5 đã ra quyết định số 17/2014/QĐ-CA tổng hợp hình phạt 12 năm tù tại bản án số 43/2011/HSST ngày 15/11/2011 của Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 9 với hình phạt 36 tháng tù tại bản án số 23/2012/HSST ngày 31/7/2012 của Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 5; buộc Hoàng Thanh Tú phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/10/2011. Do vậy, cần có sự sửa đổi để thống nhất cách hiểu và áp dụng pháp luật trong trường hợp này.

- Về cách tính phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước và cách tính thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam khi tổng hợp hình phạt. Phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước được tính bằng cách lấy hình phạt của bản án đó trừ đi phần hình phạt đã chấp hành. Trong trường hợp người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam, việc xác định phần hình phạt chưa chấp hành còn có sự nhận thức không thống nhất ở vấn đề: thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam có được coi là thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước để xác định phần hình phạt chưa chấp hành của bản án đó không? Theo tôi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam cần được coi là thời gian chấp hành hình phạt tù như đã phân tích ở trên đây và được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của bản án trước. Thực tiễn tổng hợp hình phạt, Hội đồng thẩm phán Tòa án Quân sự Trung ương cũng có quan điểm phải trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của bản án trước, được thể hiện qua: tại quyết định giám đốc thẩm số 09/2011/HS-GĐT ngày 04/4/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án quân sự Trung ương đã xác định Nguyễn Hữu Thắng phải chấp hành hình phạt 59 tháng tù (được trừ 15 tháng tạm giam từ ngày 31/12/2008 đến 31/3/2010), còn phải chấp hành hình phạt 44 tháng tù theo Bản án phúc thẩm số 27 ngày 22/12/2010 của Tòa Phúc thẩm 1 Tòa án quân sự Trung ương. Thắng đã

chấp hành hình phạt tù từ ngày 05/5/2009 đến ngày 10/02/2010 thì phạm tội mới. Như vậy Thắng đã chấp hành được 09 tháng 05 ngày tù của bản án hình sự phúc thẩm số 27 (tính đến ngày phạm tội mới), hình phạt còn lại phải chấp hành là 34 tháng 25 ngày tù. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2013/HSST ngày 06/9/2013, Tòa án quân sự Quân khu 1 đã xử phạt Thắng 12 năm tù. Khi tổng hợp hình phạt, đúng ra phải lấy 44 tháng tù mà bản án hình sự Phúc thẩm số 27 ngày 22/12/2010 của Tòa Phúc thẩm 1 Tòa án quân sự Trung ương đã buộc bị cáo phải chấp hành trừ đi 09 tháng 05 ngày tù là thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt của bản án hình sự phúc thẩm này (từ ngày 05/5/2009 đến ngày 10/02/2010 - ngày bị cáo phạm tội cướp tài sản trong quá trình cải tạo), sau đó tổng hợp hình phạt 12 năm tù về tội "*Cướp tài sản*", buộc Thắng phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 14 năm 10 tháng 25 ngày tù mới đúng. Tòa án quân sự Quân khu 1 lại tính thời gian bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án số 27 là 59 tháng tù (*không trừ thời gian mà Thắng đã bị tạm giam là 15 tháng*) để trừ 09 tháng 05 ngày đã chấp hành (tính đến khi phạm tội mới), bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 49 tháng 25 ngày tù, sau đó tổng hợp với hình phạt mới là 12 năm tù về tội "*Cướp tài sản của công dân*", *buộc Thắng phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 năm 01 tháng 25 ngày tù là sai lầm nghiêm trọng*. Bản án hình sự phúc thẩm 07 ngày 13/7/2014 của Tòa Phúc thẩm 1 Tòa án quân sự Trung ương giữ nguyên các quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 19/2013/HSST ngày 06/9/2013 của Tòa án quân sự Quân khu 1 cũng là *sai lầm nghiêm trọng*. Hội đồng thẩm phán TANDTC đã ra quyết định hủy Bản án hình sự phúc thẩm 07 ngày 13/7/2014 của Tòa Phúc thẩm 1 Tòa án quân sự Trung ương về quyết định tổng hợp hình phạt. Sau khi có quyết định Giám đốc thẩm này, ngày 25/4/2014, Chánh án TANDTC đã ra quyết định số 13/2014/QĐ/TA-HS để tổng hợp hình phạt 12 năm tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 07 ngày 13/7/2014 với hình phạt còn lại là 34 tháng 25 ngày tù của bản án hình sự phúc thẩm số 27 ngày 22/12/2010 của Tòa Phúc thẩm 1 Tòa án quân sự Trung ương buộc Thắng phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 14 năm 10 tháng 25 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/1999.

2.2.2.2. Nguyên nhân của những sai sót trong thực tiễn tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự

- Nhận thức về tổng hợp hình phạt trong chính sách xử lý chưa hợp lý. Một nguyên tắc đặc biệt quan trọng trong chính sách hình sự nước ta, đó là nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc này cần được thể chế trong BLHS của chúng ta nói chung và chế định tổng hợp hình phạt nói riêng. Vì vậy, theo Tôi, không nên ưu tiên áp dụng nguyên tắc cộng toàn bộ trong tổng hợp hình phạt; việc cân nhắc áp dụng nguyên tắc nào để hợp hình phạt phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội và tính nhân đạo của pháp luật hình sự. Để làm được điều này theo tôi, chúng ta nên học hỏi các quy định về tổng hợp hình phạt của BLHS Cộng hòa Liên bang Đức và BLHS Thủy Điển, chế định tổng hợp hình phạt của hai bộ luật này là rất tốt.

- Những bất cập trong quy định của Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt
Thứ nhất, về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội Điều 50 BLHS 1999, về mặt lý luận cho thấy Điều luật này còn có những quy định chưa phù hợp sau đây:

+ *Về tổng hợp hình phạt chính*: Điểm e khoản 1 Điều 50 BLHS quy định: "*Trục xuất không tổng hợp với các loại hình phạt khác*". Quy định này không hợp lý và không khả thi trong trường hợp một người có tội bị tuyên hình phạt trục xuất, có tội bị tuyên hình phạt tử hình. Theo quy định tại Điều 32 BLHS và Điều 1 Nghị định số 54/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001, thì: "*Trục xuất là buộc người nước ngoài (người không có quốc tịch Việt Nam) bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trục xuất được Tòa án áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung trong trường hợp cụ thể*".

Hình phạt trục xuất do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thi hành đối với người bị kết án. Thời hạn rời khỏi lãnh thổ Việt Nam được ghi trong quyết định thi hành án của Tòa án, nhưng chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày có quyết định của Tòa án (Điều 265 BLTTHS). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 54 nêu trên, người bị trục xuất có thể được kéo dài thời hạn rời khỏi lãnh thổ

Việt Nam trong trường hợp nhất định, khi có quyết định của Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Trong BLHS không có quy định về thời hiệu thi hành bản án tuyên hình phạt trực xuất.

Tử hình là hình phạt đặc biệt, chỉ áp dụng với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, là loại hình phạt nghiêm khắc nhất, tước đi quyền sống là quyền cơ bản và quan trọng nhất của con người. Người bị kết án tử hình bị tước bỏ quyền sống, do đó hình phạt này không có mục đích cải tạo, giáo dục người bị kết án, nhưng vẫn có mục đích phòng ngừa riêng, loại bỏ khả năng phạm tội mới của người bị kết án. Đặc biệt, hình phạt tử hình thể hiện sự răn đe mạnh mẽ, có khả năng đạt được mục đích phòng ngừa chung cao. Thông thường, khi một người phạm nhiều tội và bị xét xử cùng một lần, nếu có tội bị Tòa án tuyên hình phạt tử hình thì sẽ không áp dụng hình phạt trực xuất đối với tội khác. Tuy nhiên, người bị trực xuất không phải trường hợp nào cũng phải rời khỏi lãnh thổ Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định thi hành án. Nhiều trường hợp, người bị trực xuất được kéo dài thời hạn rời khỏi lãnh thổ Việt Nam bởi nhiều lý do, như để chấp hành xong các hình phạt khác hoặc thực hiện các nghĩa vụ khác. Do đó, thời hạn người bị trực xuất phải rời khỏi lãnh thổ Việt Nam trong nhiều trường hợp có thể rất dài. Trong thời gian này, người bị kết án có thể phạm tội mới hoặc bị xét xử về tội đã thực hiện trước khi có bản án này và có thể bị tuyên hình phạt tử hình. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 50 BLHS, không tổng hợp hình phạt trực xuất với hình phạt tử hình, có nghĩa là người bị kết án phải chấp hành cả hai hình phạt này. Điều này là không khả thi, vì khi một người đã bị tử hình rồi, thì không thể thi hành hình phạt trực xuất; mặt khác nếu đã thi hành hình phạt trực xuất rồi, thì hình phạt tử hình không có tính khả thi.

+ *Về tổng hợp hình phạt bổ sung khác loại:*

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 50 BLHS, nếu các hình phạt bổ sung đã tuyên là khác loại, người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên. BLHS quy định áp dụng nguyên tắc cùng tồn tại đối với các hình phạt bổ sung khác loại về

cơ bản là hợp lý. Tuy nhiên, trong số các hình phạt bổ sung, có hình phạt cấm cư trú và quản chế cần được tổng hợp với nhau thành hình phạt chung.

Theo quy định tại Điều 37 BLHS và Nghị định số 53/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001, *cấm cư trú* là buộc người bị kết án phạt tù không được tạm trú và thường trú ở một số địa phương nhất định, thời gian cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Cơ quan thi hành hình phạt cấm cư trú là chính quyền cấp xã nơi người bị kết án đến cư trú.

Theo quy định tại Điều 38 BLHS và Nghị định số 53/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001, *quản chế* là buộc người bị kết án phạt tù phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định, chịu sự kiểm soát của chính quyền, nhân dân địa phương. Thời gian quản chế từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Trong thời gian quản chế người bị kết án không được tự ý ra khỏi nơi cư trú, bị tước một số quyền công dân và bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Hình phạt này được áp dụng đối với người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong những trường hợp khác do BLHS quy định.

So sánh hai loại hình phạt này, chúng tôi có một số nhận xét sau:

Một là, hình phạt quản chế nặng hơn hình phạt cấm cư trú. Trong hệ thống hình phạt ở nước ta, các hình phạt chính và bổ sung được xếp theo thứ tự nặng dần. Hình phạt cấm cư trú được quy định tại điểm b, còn hình phạt quản chế được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 BLHS. Như vậy, hình phạt quản chế được xếp sau và nặng hơn hình phạt cấm cư trú. Hình phạt quản chế nặng hơn hình phạt cấm cư trú còn thể hiện ở những nội dung cơ bản sau đây: Người bị quản chế chỉ được cư trú, làm ăn, sinh sống ở một địa phương nhất định, nên phạm vi địa bàn mà người bị quản chế được cư trú và đi lại rất hạn hẹp. Còn người bị cấm cư trú chỉ không được cư trú ở một số địa phương nhất định, nên phạm vi địa bàn được cư trú là rộng rãi hơn nhiều so với người bị quản chế. Ngoài những địa phương bị cấm cư trú, người bị cấm cư trú có quyền cư trú, làm ăn, đi lại ở tất cả các địa phương khác. Theo quy định tại Điều 37, 38 BLHS, người bị cấm cư trú không bị tước một

số quyền công dân và cấm hành nghề, còn người bị quản chế còn bị tước một số quyền công dân và bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

Hai là, hai hình phạt bổ sung này đều phải được thực hiện ngay sau khi chấp hành hình phạt tù, nên người phạm nhiều tội và bị tuyên hình phạt cấm cư trú và quản chế phải chấp hành đồng thời cả hai loại hình phạt này ngay sau khi chấp hành xong hình phạt tù tổng hợp của các tội. Luật không quy định chấp hành xong hình phạt quản chế rồi mới chấp hành hình phạt cấm cư trú hoặc ngược lại. Khi buộc người bị kết án chấp hành hình phạt quản chế, thì người này phải cư trú, làm ăn, sinh sống ở một địa phương nhất định, nên đương nhiên không cư trú ở địa phương khác, trong đó có địa phương bị cấm cư trú. Như vậy, chỉ buộc người bị kết án chấp hành hình phạt quản chế là đạt được mục đích phòng ngừa tội phạm của hai loại hình phạt này, đúng như quan điểm: "Ở đây xét về phương diện giáo dục, phòng ngừa thì việc quản chế người bị kết án cũng đủ để đạt được mục đích của cấm cư trú".

Thứ hai, khoản 3 Điều 51 BLHS năm 1999 quy định: "Chánh án Tòa án ra quyết định tổng hợp các bản án", nhưng cũng không quy định cụ thể thẩm quyền của Chánh án Tòa án mỗi cấp, của Chánh án Tòa án cụ thể nào. Đến nay cũng chưa có hướng dẫn cụ thể thi hành trường hợp này, đã gây khó khăn, lúng túng trong quá trình áp dụng trong thực tiễn. Mặc dù theo thông báo của Tòa án nhân dân tối cao, thì Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20/12/1991 của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao vẫn được áp dụng để tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 51 BLHS năm 1999. Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20/12/1991 là để hướng dẫn BLHS năm 1985. Do vậy trong trường hợp này cơ quan có thẩm quyền cần hướng dẫn một cách đầy đủ, cụ thể để áp dụng khoản 3 Điều 51 BLHS một cách thống nhất.

Thứ ba, Điều 75 BLHS chưa quy định trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội và đã bị kết án, các bản án này đều có hiệu lực pháp luật thì việc tổng hợp hình phạt được thực hiện như thế nào. Thẩm quyền tổng hợp hình phạt và mức hình phạt được tổng hợp ra sao là còn bỏ ngõ, chưa có hướng dẫn cụ thể. Điều này dẫn đến nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau trong thực tiễn, khi tổng hợp

hình phạt của nhiều bản án đã có hiệu lực đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội.

- Nguyên nhân trong hướng dẫn áp dụng pháp luật.

Trường hợp người đang có bản án chưa có hiệu lực pháp luật thì lại phạm tội mới?. Do Điều 51 BLHS chưa quy định về trường hợp này, nên có sự lúng túng trong sự áp dụng căn cứ pháp luật để tổng hợp hình phạt. Về vấn đề này, Tòa án quân sự Trung ương đã có hướng dẫn: *“Về nguyên tắc, Tòa án xét xử sau chỉ tổng hợp hình phạt của bản án đang xử với hình phạt của bản án khác đã có hiệu lực pháp luật. Trường hợp trong thời gian một bản án chưa có hiệu lực pháp luật, bị cáo lại bị xét xử về tội phạm khác, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử và quyết định hình phạt đối với tội xét xử sau mà không được tổng hợp hình phạt chung của hai bản án.”* "[56, tr. 425]. Theo chúng tôi, hướng dẫn này là chính xác. Tuy nhiên đây chỉ là hướng dẫn trong Tòa án quân sự, cùng một vấn đề nhưng đã có những cách hiểu và áp dụng pháp luật khác nhau ở các Tòa án khác nhau. Do vậy, bổ sung vào BLHS hoặc TANDTC phải có hướng dẫn về vấn đề này để thống nhất trong việc áp dụng pháp luật.

Cho đến nay Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20/12/1991 của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao vẫn được áp dụng để tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 51 BLHS năm 1999. Thông tư này đã quá lạc hậu, không còn phù hợp với quy định của BLHS năm 1999. Trong lần sửa đổi, bổ sung BLHS vào năm 2009, cũng như trong BLHS cũng chưa thấy có sửa đổi. Thiết nghĩ chế định tổng hợp hình phạt của các bản án đã có hiệu lực pháp luật là một trong những chế định quan trọng, được áp dụng thường xuyên trong thực tiễn. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền chưa hướng dẫn thi hành rõ ràng, đầy đủ, để áp dụng thống nhất, đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn áp dụng chế định này.

- Nguyên nhân trong kiểm tra, giám đốc xét xử.

Mặt dù hàng năm, qua công tác kiểm tra, giám đốc xét xử, Tòa án quân sự Trung ương đã kịp thời phát hiện những thiếu sót, vi phạm trong thực tiễn xét xử của các Tòa án quân sự, kiến nghị sửa chữa, thậm chí ra quyết định giám đốc thẩm.

Tuy nhiên, cán bộ của Phòng giám đốc, kiểm tra của Tòa án quân sự Trung ương do cả nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan, dẫn đến công tác tham mưu cho lãnh đạo Tòa án quân sự Trung ương trong công tác kiểm tra, giám đốc xét xử chưa được thường xuyên, chất lượng tham mưu có lúc chưa cao nên chưa phát hiện được nhiều trường hợp có vi phạm, sai lầm để kịp thời rút kinh nghiệm cho các Tòa án quân sự, để góp phần nâng cao chất lượng xét xử.

- Hạn chế về trình độ, năng lực người áp dụng pháp luật.

Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2016 các Tòa án quân sự trong toàn quân luôn trong tình trạng thiếu Thẩm phán. Trình độ chuyên môn đa phần là Cử nhân luật, tính đến năm 2016 mới chỉ có 28 Thẩm phán sơ cấp có trình độ Thạc sĩ, mới chỉ có 54 Thẩm phán các cấp có trình độ cao cấp lý luận chính trị. Hội thẩm quân nhân có trình độ Cử nhân luật, Trung cấp Luật chiếm tỷ lệ không quá 0,4%. Chính vì vậy, việc nhận thức chủ trương chính sách hình sự của Đảng có lúc chưa được đầy đủ, đồng thời khả năng nhận thức trong quá trình áp dụng pháp luật có phần hạn chế. Trong khi đó các quy định hoặc ngôn ngữ được sử dụng trong các quy định pháp luật về tổng hợp hình phạt là đa nghĩa, chưa rõ ràng nên dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong quá trình áp dụng. Các Thẩm phán của các Tòa án quân sự đều là các sĩ quan quân đội, nên ngoài nhiệm vụ chuyên môn còn phải thực hiện các nhiệm vụ chính trị quân sự của quân đội (tham gia huấn luyện, tập đội ngũ, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho các đơn vị, học tập tại chức theo quy định...), nên thời gian tập trung dành cho nghiên cứu văn bản quy phạm pháp luật cũng như đối với từng vụ án cụ thể là chưa nhiều, chưa sâu sát. Từ đó, đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng xét xử, án bị hủy, bị sửa hàng năm chưa có dấu hiệu giảm. Công tác tập huấn nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm quân nhân được quan tâm, nhưng chưa được thường xuyên, thành phần tham gia tập huấn thường là bị hạn chế về số lượng, có Thẩm phán trong một nhiệm kỳ chỉ được tập huấn nghiệp vụ một đến hai lần nên những quy định pháp luật mới chưa được nhận thức đầy đủ, đúng đắn, mà chủ yếu là tự nghiên cứu. Đây cũng là một trong những nguyên nhân không nhỏ ảnh hưởng đến chất lượng xét xử của các Tòa án quân sự trong toàn quân.

Kết luận chương 2

Nói chung, việc nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tổng hợp hình phạt như: thẩm quyền tổng hợp hình phạt; tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội; tổng hợp hình phạt của nhiều bản án; tổng hợp hình phạt trong các trường hợp đặc biệt; trên cơ sở phân tích làm rõ những nội dung trên cho chúng ta một cách nhìn khách quan nhất về thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự về các nội dung như: Kết quả đạt được; những sai sót trong thực tiễn tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự và nguyên nhân, từ đó góp phần nâng cao nhận thức đầy đủ các quy định về tổng hợp hình phạt, đồng thời nâng cao chất lượng xét xử tại các Tòa án quân sự nói riêng và hệ thống Tòa án nhân dân nói chung.

Chương 3

GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO TỔNG HỢP HÌNH PHẠT ĐÚNG TẠI CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ

3.1. Các đảm bảo tổng hợp hình phạt đúng tại các Tòa án quân sự

3.1.1. Đảm bảo tính pháp chế trong tổng hợp hình phạt.

Đây là yêu cầu cốt lõi, đòi hỏi khi tổng hợp hình phạt Tòa án phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của luật hình sự. Chỉ khi tuân thủ nguyên tắc này thì mới áp dụng được các nguyên tắc khác của chế định tổng hợp hình phạt. Tính pháp chế trong tổng hợp hình phạt đòi hỏi từ khi quyết định hình phạt Tòa án phải xem xét cân nhắc các hình phạt chính và hình phạt bổ sung đã tuyên có thể tổng hợp được hay không, nếu không tổng hợp được thì có chấp hành đồng thời được hay không. Trường hợp các hành vi phạm tội có tính chất nguy hiểm cho xã hội tương đương hoặc không tương đương nhưng khi quyết định hình phạt Tòa án cũng phải xem xét cân nhắc để các hình phạt đã tuyên bảo đảm được tính răn đe, trừng trị và phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung. Tránh trường hợp khi tuyên hai tội đồng thời trong cùng một vụ án hay một người đang phải chấp hành một bản án mà phạm tội mới hay phạm tội trước khi có bản án đã có hiệu lực đang phải chấp hành mà không tổng hợp được. Chẳng hạn như Tòa án tuyên trong cùng một bản án một tội là hình phạt tù, còn tội kia là trục xuất, hoặc tuyên trong cùng một bản án một tội là hình phạt tù cho hưởng án treo, còn tội phạm khác lại áp dụng hình phạt là tù có thời hạn. Trong các trường hợp này thì việc tổng hợp hình phạt là không thể thực hiện được. Đây rõ ràng là việc vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc pháp chế trong tổng hợp hình phạt.

3.1.2. Đảm bảo các hình phạt đã tuyên được tổng hợp và các bản án phải được tổng hợp.

Trong các hình phạt trong hệ thống hình phạt nước ta có những hình phạt tổng hợp được với nhau, nhưng cũng có những hình phạt không tổng hợp được với

nhau thành hình phạt chung. Nhưng khi các hình phạt hoặc các bản án đã tuyên đối với một người phạm nhiều tội thì việc tổng hợp hình phạt là cần thiết, vừa bảo đảm tính pháp chế, vừa thể hiện sự nghiêm minh, công bằng của pháp luật và vừa tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành án. Tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 50 BLHS, khi tổng hợp hình phạt Tòa án phải xem xét một cách thận trọng các bản án thu thập được có đảm bảo đó là bản án đã có hiệu lực hay chưa hay còn kháng cáo, kháng nghị. Hoặc trong trường hợp đã thi hành thì phải xem xét trong quá trình chấp hành án người phải thi hành án có được xem xét giảm hoặc miễn chấp hành một phần hình phạt hay không, để việc tổng hợp hình phạt đảm bảo chính xác. Còn đối với trường hợp tổng hợp hình phạt thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 51 BLHS, như đã phân tích Tòa án chỉ tổng hợp khi chính Tòa án đó phát hiện hay do Trại giam nơi người chấp hành án phạt tù phát hiện được và báo cáo cho Tòa án biết, để tổng hợp hình phạt.

3.1.3. Tổng hợp hình phạt phải bảo đảm tính khả thi trong thi hành, không chồng chéo, bảo đảm tính nhân đạo - quyền con người.

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội.

Hình phạt được quy định trong BLHS và do Tòa án quyết định. Hình phạt chỉ thực sự phát huy được tác dụng trừng trị, giáo dục, phòng ngừa khi nó đáp ứng được các mục đích mà Nhà nước mong muốn. Tổng hợp hình phạt cũng vậy, khi một người phạm từ hai tội trở lên, dù xét xử cùng một lần hay nhiều lần trở lên thì khi tổng hợp hình phạt của các tội đó lại thành hình phạt chung buộc phải chấp hành, phải đảm bảo tổng hợp đúng, kịp thời và đặc biệt là phải được thi hành trên thực tế. Điều này đòi hỏi khi quyết định hình phạt phải đảm bảo tính pháp chế, các phương pháp cộng hình phạt, thu hút hình phạt hay quy đổi hình phạt phải chính xác. Tránh trường hợp tính toán cộng, trừ thời gian tạm giữ, tạm giam không đúng dẫn đến việc tổng hợp sai, kéo theo hậu quả một người trong một số trường hợp chưa chấp hành xong hình phạt, nhưng do tính toán sai nên đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt. Trái lại một số trường hợp người chấp hành án đã chấp

hành quá thời gian phải chấp hành án. Đồng thời với việc tổng hợp hình phạt đảm bảo được thi hành, thì vấn đề quan trọng khác nữa là làm sao để các hình phạt thi hành không chồng chéo lên nhau, gây bất lợi cho người phải thi hành án trong quá trình chấp hành án, cũng như liên quan đến việc xét miễn, giảm thi hành án theo quy định.

3.1.4. Phải có sự lựa chọn, tùy nghi khi quyết định hình phạt

Khi quyết định hình phạt Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đưa ra loại và mức hình phạt cụ thể tương xứng với hành vi phạm tội. Đối với vụ án mà người phạm từ hai tội trở lên thì đây mới là điều kiện cần, vì khi quyết định hình phạt của từng tội Tòa án phải cân nhắc, lựa chọn hình phạt cụ thể phù hợp với từng tội đó, nhưng cũng phải vừa đảm bảo nguyên tắc tổng hợp hình phạt. Chẳng hạn nếu người phạm hai tội đã bị tạm giam hơn hai năm nhưng khi quyết định hình phạt của hai tội cộng lại là ba năm cải tạo không giam giữ. Như vậy, nếu quy đổi ba ngày cải tạo không giam giữ bằng một ngày tù thì thời gian tạm giữ, tạm giam đã quá thời gian phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp này, để đảm bảo tổng hợp hình phạt đúng thì thay vì phạt cải tạo không giam giữ Tòa án có thể phạt tù đối với hai tội, sau đó tổng hợp lại thành hình phạt chung bằng với thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam. Hoặc cũng không thể trong cùng một lần đưa ra xét xử một người phạm hai tội, nhưng một tội xử phạt tù, còn tội kia xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, khi tổng hợp hình phạt đã không thực hiện được. Việc cân nhắc, lựa chọn trong trường hợp này không phải là vấn đề khó khăn, nhưng nếu không thận trọng thì cũng dễ dẫn đến sai lầm, làm cho bản án của Tòa án không thi hành được trong thực tiễn.

3.2. Các giải pháp tổng hợp hình phạt đúng tại các Tòa án quân sự

3.2.1. Đổi mới nhận thức về các nguyên tắc tổng hợp hình phạt

Đổi mới nhận thức về các nguyên tắc tổng hợp hình phạt là đổi mới trong nhận thức áp dụng các nguyên tắc tổng hợp hình phạt. Khi lựa chọn nguyên tắc cộng

toàn bộ hình phạt, thu hút hình phạt hoặc cùng tồn tại phải căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhưng phải trên cơ sở đảm bảo được tính nhân đạo, tính nhân văn, tính giáo dục đối với người phạm tội. Chúng ta có nên giảm mức tối đa của tổng hợp hình phạt xuống dưới 30 năm hay không? Vì tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ cũng không quá 3 năm – bằng với mức cao nhất của hình phạt cải tạo không giam giữ trong phần các tội phạm cụ thể, và nếu để mức 30 năm có ảnh hưởng đến tính giáo dục tính nhân đạo của pháp luật hình sự hay không?. Trong mọi trường hợp chúng ta không nên ưu tiên áp dụng nguyên tắc cộng toàn bộ hình phạt.

BLHS cần được sửa đổi bổ sung theo hướng, chỉ nên lựa chọn một đến hai nguyên tắc như nguyên tắc thu hút, nguyên tắc cộng hình phạt như pháp luật một số nước để xây dựng luật, nhưng phương pháp thu hút và phương pháp cùng tồn tại phải được nhận thức lại nó không đơn thuần chỉ là cộng số học. Nên xây dựng chế định tổng hợp hình phạt theo hướng có nhiều cách tổng hợp hình phạt khác nhau tùy theo tính chất hành vi phạm tội được thực hiện; mức phạt chung không nhất thiết là tổng số học của các hình phạt được tuyên; mức phạt tù cao nhất được tổng hợp có thể là mức cao nhất của tội nặng nhất; phải thấp hơn tổng của các hình phạt, không vượt qua mức tối đa của loại hình phạt được quy định. Để làm được điều này theo tôi, chúng ta nên học hỏi các quy định về tổng hợp hình phạt của BLHS Cộng hòa Liên bang Đức và BLHS Thủy Điển. Chế định tổng hợp hình phạt của hai bộ luật này là rất khoa học – rất nhân đạo.

3.2.2. Hoàn thiện Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt

Như đã phân tích, BLHS 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung và có những quy định mới để hoàn thiện các quy định về tổng hợp hình phạt. Tuy BLHS 2015 đã có những quy định mới, nhưng chủ yếu chỉ giải quyết những vấn đề kỹ thuật trong quy định của BLHS, mà chưa có sự thay đổi trong nguyên tắc tổng hợp hình phạt. Theo chúng tôi, việc hoàn thiện BLHS về tổng hợp hình phạt phải đảm bảo các yêu cầu như:

- Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ, chính sách hình sự của Đảng:

Hoàn thiện các quy định của BLHS, trong đó có các quy định về tổng hợp hình phạt là một trong những nhiệm vụ của cải cách tư pháp cũng phải đảm bảo được yêu cầu thể chế hóa kịp thời, đầy đủ, đúng đắn chính sách hình sự của Đảng đã được thể hiện trong các Nghị quyết, nhất là các Nghị quyết về cải cách tư pháp. Tại mục 2 phần I của Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến 2010, định hướng đến năm 2020 đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đó là: "*Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đường lối của Đảng, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đảm bảo quyền con người, quyền tự do dân chủ của nhân dân...*"[2,tr2]. Đồng thời quán triệt chính sách hình sự "*nhân đạo, hướng thiện, coi trọng tính phòng ngừa*". [03,tr2] trong Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020.

- Kế thừa những quy định tích cực và bám sát thực tế:

Cũng như các chế định khác của pháp luật hình sự Việt nam, chế định tổng hợp hình phạt có quá trình hình thành và phát triển ngày càng hoàn thiện hơn. Qua nghiên cứu cho thấy, sự phát triển của chế định tổng hợp hình phạt luôn có sự kế thừa những quy định tích cực, loại bỏ những quy định không phù hợp với thực tế, đồng thời bổ sung những quy định mới cho phù hợp với thực tiễn, điều này đã được thể hiện rõ nét trong BLHS 2015.

Các phương pháp cộng toàn bộ hình phạt, cộng một phần hình phạt, thu hút hình phạt đã được thể hiện ở các quy định trong một số văn bản trước BLHS năm 1985. Khi xây dựng BLHS năm 1985 và BLHS hiện hành, các phương pháp này vẫn được các nhà làm luật kế thừa. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này trong những trường hợp cụ thể đã dần được quy định cụ thể, rõ ràng hơn tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức đúng đắn và áp dụng thống nhất. Ngoài ra, nhiều quy định khác về tổng hợp hình phạt cũng đã được sửa đổi, bổ sung cho hợp lý hơn và phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là các quy định của BLHS hiện hành về giới hạn mức độ tối đa của hình phạt tổng hợp, các quy định

thể hiện nguyên tắc các hình phạt cùng tồn tại trong trường hợp các hình phạt đã tuyên không thể áp dụng được phương pháp cộng hình phạt và cũng không áp dụng được phương pháp thu hút hình phạt.

Theo quy luật phủ định của phủ định của phép biện chứng duy vật và thực tiễn lập pháp hình sự ở nước ta, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tổng hợp hình phạt phải đảm bảo kế thừa những quy định tích cực, hợp lý, còn phù hợp với thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm; loại bỏ những quy định không phù hợp; đồng thời bổ sung những quy định hợp lý, rõ ràng, cụ thể hơn thay thế những quy định cũ; bổ sung những quy định mới để điều chỉnh những vấn đề đã và đang phát sinh trong thực tiễn xét xử. Từ các yêu cầu trên việc hoàn thiện BLHS về tổng hợp hình phạt được tiến hành như sau:

3.2.2.1. Về tên của điều 50 BLHS 1999 (Điều 55 BLHS 2015)

BLHS 1999 cũng như BLHS 2015 quy định tên của Điều luật là “*Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội*”. Về nội dung của điều luật quy định khi xét xử cùng một lần người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt theo các quy định từ khoản 1 đến khoản 2 của Điều luật. Qua nghiên cứu các quy định tại điều luật nêu trên, tôi thấy rằng, ở đây đều là hướng dẫn cách thức tổng hợp hình phạt như thế nào đối với các hình phạt chính và hình phạt bổ sung, hình phạt nào được tổng hợp với hình phạt nào, hình phạt nào không được tổng hợp với hình phạt nào, trong đó có quy định về nguyên tắc tổng hợp hình phạt. Tuy nhiên, tên điều luật lại quy định là “*quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội*”, theo tôi là chưa phù hợp, mà trong trường hợp này nên sửa tên điều luật thành “*Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội*” mới sát với nội dung của điều luật, tránh trường hợp người nghiên cứu, áp dụng pháp luật có nhận thức khác nhau về cùng một điều luật.

3.2.2.2. *Về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và bị xét xử cùng một lần.*

- *Về tổng hợp hình phạt chính.* Các quy định về tổng hợp hình phạt chính đã được quy định tại Điều 50 BLHS 1999 và BLHS 2015 về cơ bản là phù hợp với thực tế, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần trên của luận văn, quy định không tổng hợp hình phạt tử hình với hình phạt trục xuất theo chúng tôi là chưa hợp lý, không có tính khả thi. Trong hệ thống hình phạt Việt Nam, trục xuất với tính chất là hình phạt chính nặng hơn hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, nhưng nhẹ hơn hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình. Hình phạt trục xuất và tử hình là khác loại và không thể quy về cùng một loại, không thể cộng hai hình phạt này thành hình phạt chung; không thể thi hành cả hai loại hình phạt này; hình phạt trục xuất nhẹ hơn nhiều so với hình phạt tử hình. Về lý thuyết, hoàn toàn có thể tổng hợp hai loại hình phạt này theo nguyên tắc thu hút, hình phạt tử hình thu hút hình phạt trục xuất, hình phạt chung là tử hình; về mặt thực tế, cần phải tổng hợp hai loại hình phạt này để đảm bảo tính khả thi của các bản án. Do đó, chúng tôi tán thành với quan điểm: "*Chúng ta cần phải tổng hợp hình phạt trục xuất của bản án trước (thu hút) vào hình phạt tử hình của bản án sau và tuyên hình phạt chung là tử hình*". Trên tinh thần này, chúng tôi đề xuất sửa đổi theo hướng tổng hợp hình phạt trục xuất với hình phạt tử hình theo nguyên tắc thu hút như sau:

- *Về hình phạt bổ sung.* Trong BLHS, quy định về tổng hợp các hình phạt bổ sung, tổng hợp hình phạt chính tại cùng một điều luật và được chia thành hai khoản: khoản 1 quy định về tổng hợp hình phạt chính, khoản 2 quy định về tổng hợp hình phạt bổ sung. Việc tổng hợp hình phạt bổ sung cũng bao gồm các nguyên tắc như tổng hợp hình phạt chính, đó là các nguyên tắc cộng toàn bộ hình phạt và cộng một phần hình phạt, nguyên tắc thu hút hình phạt và nguyên tắc cùng tồn tại. Tuy nhiên, hình phạt chính và hình phạt bổ sung là hai phần khác nhau của hệ thống hình phạt trong BLHS Việt Nam, nên việc áp dụng các nguyên tắc tổng hợp hình phạt đối với hình phạt bổ sung có sự khác nhau nhất định so với việc tổng hợp

hình phạt chính, thể hiện rõ ở trường hợp áp dụng nguyên tắc thu hút hình phạt. Đối với việc tổng hợp hình phạt chính, nguyên tắc thu hút hình phạt chỉ được áp dụng khi trong số các hình phạt đã tuyên có hình phạt chung thân, hình phạt tử hình và hình phạt khác không phải là hình phạt tiền hoặc hình phạt trục xuất. Đối với việc tổng hợp hình phạt bổ sung, nguyên tắc thu hút chỉ được áp dụng trong trường hợp các hình phạt là cùng loại và một trong các hình phạt đã tuyên đó có mức thời hạn cao nhất theo quy định của BLHS. Do đó, nhà làm luật đã thiết kế Điều luật trong BLHS thành hai khoản: khoản 1 quy định về tổng hợp hình phạt chính, khoản 2 quy định về tổng hợp hình phạt bổ sung là khoa học, hợp lý.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 50 BLHS 1999 cũng như quy định tại điểm b khoản 2 Điều 55 BLHS 2015, nguyên tắc cùng tồn tại được áp dụng trong trường hợp các hình phạt bổ sung đã tuyên là khác loại. Qua nghiên cứu tính chất, đặc điểm của từng loại hình phạt bổ sung cho thấy, về cơ bản quy định này là hợp lý, công bằng, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, trong trường hợp người phạm nhiều tội, có tội bị tuyên hình phạt cấm cư trú, có tội bị tuyên hình phạt quản chế, thì quy định này thể hiện sự chưa hợp lý, cần giải quyết theo hai trường hợp cụ thể sau: nếu thời hạn quản chế dài hơn hoặc bằng thời hạn cấm cư trú, thì tổng hợp hai loại hình phạt này theo nguyên tắc thu hút, hình phạt quản chế thu hút hình phạt cấm cư trú, buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt chung là quản chế; nếu hình phạt đã tuyên là cấm cư trú có thời hạn dài hơn hình phạt quản chế, người bị kết án phải chấp hành cả hai hình phạt, nhưng thời gian chấp hành hình phạt quản chế được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cấm cư trú. Người bị kết án phải chấp hành hình phạt cấm cư trú còn lại sau khi chấp hành xong hình phạt quản chế [55,tr39].

3.2.2.3. Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại Điều 51 BLHS 1999 cũng như quy định tại Điều 56 BLHS 2015, nhà làm luật thiết kế ba khoản để quy định phù hợp với ba trường hợp khác nhau là khá cụ thể, về cơ bản là phù hợp với thực tế, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, tại

các điều luật này còn có những quy định mà việc nhận thức không thống nhất, đó là: quy định "*một người đang phải chấp hành một bản án*" tại khoản 1 và khoản 2; quy định "*một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật*" tại khoản 3. Mặt khác, điều luật này còn thể hiện những hạn chế, bất cập là: chưa quy định cụ thể thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung tại khoản 1; chưa quy định thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt của bản án trước khi xác định phần hình phạt còn lại chưa chấp hành của bản án đó để tổng hợp với hình phạt của bản án sau.

Ngoài ra, Điều 51 BLHS 1999 còn có hạn chế là chưa có quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp người phạm tội mới trong thời gian đang có bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 56 BLHS 2015 vẫn chưa có sự sửa đổi, bổ sung vấn đề này. Về trường hợp này, chúng tôi có nhận xét: *một là*, khi một người đang phải chấp hành hình phạt của một bản án mà lại bị xét xử về một tội phạm khác, HĐXX tổng hợp hình phạt của tội phạm đang bị xét xử với hình phạt của bản án trước hoặc phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 51 BLHS 1999 (khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 56 BLHS 2015). Tuy nhiên, việc tổng hợp hình phạt theo khoản 2 tại các Điều luật này chỉ được thực hiện trong trường hợp người đang có bản án đã có hiệu lực pháp luật mà lại phạm tội mới. Trong trường hợp người đang có bản án chưa có hiệu lực pháp luật thì chưa có nghĩa vụ chấp hành bản án này, nên không thể tổng hợp hình phạt theo khoản 2 Điều 51 BLHS 1999 (khoản 2 Điều 56 BLHS 2015); *hai là*, việc tổng hợp hình phạt theo khoản 1 Điều 51 BLHS 1999 (khoản 1 Điều 56 BLHS 2015) chỉ được thực hiện trong trường hợp đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã được thực hiện trước khi có bản án này. Người đang có bản án chưa có hiệu lực pháp luật mà lại phạm tội mới, tức là phạm tội sau khi có bản án này. Do vậy, khi xét xử về tội mới, mặc dù bản án trước có thể đã có hiệu lực pháp luật, nhưng cũng không thể tổng hợp hình phạt theo khoản 1 Điều 51 BLHS (khoản 1 Điều 56 BLHS 2015) được. Tuy nhiên, người phạm tội mới trong khi đang có bản án chưa có hiệu lực pháp luật, nhưng thông thường khi xét xử tội phạm mới này,

bản án trước đã có hiệu lực pháp luật, nên Tòa án phải tổng hợp hình phạt của tội đang bị xét xử với hình phạt của bản án trước. Đây là trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Trường hợp bản án đó chưa có hiệu lực pháp luật thì sau khi các bản án đã có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án căn cứ vào khoản 3 Điều 51 BLHS (khoản 3 Điều 56 BLHS 2015) để tổng hợp hình phạt.

Để đảm bảo nhận thức và áp dụng được thống nhất, khắc phục những hạn chế, bất cập, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các quy định về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, chúng tôi đề xuất như sau: sửa đổi thuật ngữ "*một người đang phải chấp hành một bản án*" tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 1999 (khoản 1, khoản 2 Điều 56 BLHS 2015) thành thuật ngữ "*một người đang có bản án đã có hiệu lực pháp luật*"; bổ sung quy định "*thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam được xác định là thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước*" để tính phần hình phạt chưa chấp hành của bản án đó; bổ sung quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp người đang có bản án chưa có hiệu lực pháp luật mà lại phạm tội mới theo hướng tổng hợp hình phạt như khoản 2 Điều 51 BLHS 1999 (khoản 2 Điều 56 BLHS 2015); thay cụm từ "*một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật*" tại khoản 3 Điều 51 BLHS 1999 (khoản 3 Điều 56 BLHS 2015) bằng cụm từ "*một người đang có nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật*";

3.2.2.4. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có án treo

BLHS chưa có quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp người đang trong thời gian thử thách của án treo mà lại bị đưa ra xét xử về tội đã được thực hiện trước khi có bản án này và cũng chưa có quy định có tổng hợp án treo với án treo hay không. Mặc dù đã có một số văn bản hướng dẫn về trường hợp này, nhưng các văn bản hướng dẫn được ban hành theo BLHS năm 1985, đến nay đã có những điểm không còn phù hợp với BLHS hiện hành. Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt có điều kiện, không phải là hình phạt. Vì vậy, có tổng hợp án treo với án treo và án treo với các hình phạt hay không là những vấn đề phức tạp, còn có những quan điểm khác nhau. Tôi cho rằng, hướng dẫn: "*...không phải tổng hợp hình phạt đối với một người có nhiều hành vi phạm tội và đã bị kết*

án theo các bản án khác nhau, nếu người đó: Đã bị phạt tù, nhưng đều được hưởng án treo..." tại Thông tư số 02/TTLN ngày 20/12/1991 của TANDTC, VKSNDTC là hợp lý, công bằng. Thực tiễn tổng hợp hình phạt tại một số Tòa án hiện nay vẫn áp dụng hướng dẫn này.

Tại Thông tư số 02/TTLN ngày 20/12/1991 của TANDTC, VKSNDTC hướng dẫn không tổng hợp án treo với các loại hình phạt về cơ bản là hợp lý, vì án treo không phải là hình phạt. Tuy nhiên, trong hệ thống hình phạt của BLHS có hình phạt tù chung thân và tử hình. Đây là những loại hình phạt đặc biệt, hình phạt tù chung thân là loại hình phạt tù không có thời hạn, hình phạt tử hình là hình phạt tước bỏ quyền sống của người bị kết án. Không tổng hợp án treo với hình phạt tử hình là không có tính khả thi; không tổng hợp án treo với hình phạt tù chung thân là chưa hợp lý, buộc người bị kết án chấp hành cả hình phạt tù chung thân và án treo là không cần thiết. Tại khoản 5 Điều 65 BLHS 2015 tuy có sửa đổi bổ sung nhưng chưa đầy đủ, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức và áp dụng thống nhất, tại lần sửa đổi, bổ sung của BLHS 2015 tới đây cần làm rõ hơn những vấn đề đã phân tích ở trên.

3.2.2.5. Về tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm tội.

Việc hoàn thiện các quy định về tổng hợp hình phạt đối với NCTN phạm tội phải tuân thủ những nguyên tắc xử lý đối NCTN phạm tội đã được thể hiện ở Chương X của BLHS. Theo đó, việc xử lý NCTN phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người có ích cho xã hội.

Về tổng hợp hình phạt trong trường hợp có tội được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên, có tội được thực hiện khi người đó đã thành niên, hình phạt chung không được vượt quá hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74. Như vậy, mức hình phạt cao nhất quy định tại điều luật này được áp dụng đối với cả trường hợp NCTN phạm một tội và trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội. Quy định này thể hiện rõ nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, quy định tại khoản 1 Điều 75 có sự bất hợp lý trong trường hợp có tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi

đã đủ 18 tuổi mà hình phạt đối với tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên cao hơn mức hình phạt tối đa theo quy định tại Điều 74 BLHS như đã phân tích ở mục 4 của Chương 2. Do đó, cần sửa đổi và bổ sung vào khoản 1 Điều 75 BLHS quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp này theo hướng hình phạt chung của tất cả các tội bằng hình phạt của tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên. Quy định theo hướng này là phù hợp với nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự Việt Nam, bởi lẽ hình phạt của tất cả các tội được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên và khi đã thành niên chỉ bằng hình phạt của tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên. Trong trường hợp này, hình phạt đã tuyên đối với tội đã được thực hiện khi người phạm tội chưa đủ 18 tuổi dù ở mức thấp nhất hay cao, thậm chí là ở mức cao nhất thì cũng không được cộng một phần nào vào hình phạt đã tuyên đối với tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên.

Về tổng hợp hình phạt trong trường hợp các tội đều được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên, cần bổ sung vào Điều 75 BLHS một khoản quy định về tổng hợp hình phạt trong các trường hợp cụ thể sau: Trường hợp các tội đều được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; và trường hợp có tội được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, có tội được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; trường hợp các tội đều được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi. Vì NCTN được chia thành hai nhóm với đường lối xử lý khác nhau, nên việc hoàn thiện các quy định về tổng hợp hình phạt đối với NCTN cũng cần phải căn cứ vào tội nặng nhất được thực hiện khi NCTN phạm tội ở độ tuổi nào. Mức hình phạt tổng hợp tối đa đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải thấp hơn mức hình phạt tổng hợp tối đa đối với NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Như vậy, tôi cho rằng, khoản 1 và khoản 2 Điều 75 BLHS hiện hành cần được chuyển thành điểm a và b tương ứng trong một khoản - khoản 1 quy định về tổng hợp có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện khi đã đủ

hoặc hơn 18 tuổi, cùng đó, bổ sung một khoản - khoản 2 vào Điều 75 Bộ luật hình sự quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp các tội đều được thực hiện khi người phạm tội chưa đủ 18 tuổi theo hai trường hợp: Tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi.

3.2.3. Tăng cường hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, tổng kết thực tiễn tổng hợp hình phạt

Khoản 3 Điều 20 Luật tổ chức tòa án nhân dân quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tối cao là: “Tổng kết thực tiễn xét xử của các Tòa án, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử”. Mục đích của tổng kết thực tiễn xét xử là nhằm tìm ra nguyên nhân của việc xét xử không đúng pháp luật, không thống nhất pháp luật. Nhiệm vụ này đã được Tòa án nhân dân tối cao thực hiện thường xuyên, không chỉ diễn ra trong các kỳ hội nghị tổng kết hàng năm, mà thông qua công tác kiểm tra, giám đốc, tổng kết chuyên đề, các đề tài khoa học nghiên cứu thực tiễn xét xử để tìm ra những khiếm khuyết, từ đó kiến nghị xây dựng các văn bản pháp luật mới phù hợp với thực tiễn. Tổng kết thực tiễn xét xử là một nguồn quan trọng cung cấp các thông tin cần thiết cho công tác lập pháp, công tác hướng dẫn pháp luật. Do đó, nếu không có việc tổng kết thực tiễn xét xử, Tòa án nhân dân tối cao không thể thực hiện tốt được nhiệm vụ hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật.

Để thực hiện tốt chức năng hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao có rất nhiều hoạt động thông qua việc giám đốc án, hướng dẫn nghiệp vụ của các tòa chuyên trách dưới dạng các công văn trao đổi nghiệp vụ hoặc các công văn của Viện khoa học xét xử về các trường hợp cụ thể trong áp dụng pháp luật, các hướng dẫn thông qua các báo cáo tổng kết ngành, các kết luận của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong hội nghị tổng kết. Song, hướng dẫn quan trọng nhất, có giá trị pháp lý chính là Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đây là loại văn bản quy phạm pháp luật mang tính tổng kết thực tiễn rất cao, có tính hướng dẫn rộng lớn, không chỉ cho ngành Tòa án mà

các cơ quan có liên quan cũng áp dụng trong công tác của mình. Ngoài ra các hướng dẫn liên ngành dưới dạng Thông tư liên tịch cũng được ngành Tòa án rất quan tâm. Chính thực tiễn xét xử và tổng kết thực tiễn xét xử đã giúp cho Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đưa ra các kiến giải, hướng dẫn rất sâu sát, sinh động, có giá trị rất cao trong việc tháo gỡ các vướng mắc, lúng túng trong quá trình áp dụng pháp luật, bảo đảm việc xét xử thống nhất trong hệ thống Tòa án nhân dân nói chung và các Tòa án quân sự trong toàn quân nói riêng.

Chính vì nhìn thấy được vai trò quan trọng của công tác tổng kết thực tiễn xét xử mà trong nhiều năm gần đây các Tòa án quân sự đã làm tốt công tác này. Hàng năm, quý các Tòa án quân sự đã có nhiều văn bản trao đổi nghiệp vụ với Tòa án quân sự Trung ương về những vấn đề còn nhiều quan điểm và cách hiểu khác nhau. Kết quả trả lời của Tòa án quân sự Trung ương là nguồn tư liệu quý cho các Thẩm phán.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề tổng kết kinh nghiệm xét xử nên, sáu tháng đầu và cuối năm Tòa án quân sự Trung ương và các Tòa án quân sự cấp Quân khu trong toàn quân đều tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ và tổng kết thực tiễn xét xử và rút kinh nghiệm. Tại các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết, các Tòa án quân sự đã đưa các nội dung còn nhiều vướng mắc, bất cập vào chương trình tập huấn; đồng thời đưa ra các tham luận, cùng trao đổi và xin ý kiến kết luận của Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự cấp Quân khu và của Tòa án quân sự Trung ương. Đây là một trong những giải pháp hữu hiệu, thiết thực để góp phần nâng cao chất lượng xét xử nói chung, đảm bảo tổng hợp hình phạt đúng tại các Tòa án quân sự trong toàn quân nói riêng.

3.2.4. Nâng cao chất lượng kiểm sát, giám đốc hoạt động xét xử nói chung, tổng hợp hình phạt nói riêng

Qua công tác giám đốc án, bên cạnh việc sửa chữa các sai lầm của các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, thủ tục giám đốc, tái thẩm có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng xét xử nói chung và công tác tổng hợp hình phạt nói riêng tại các Tòa án quân sự, điều này được thể hiện cụ

thể như sau:

- Giám đốc thẩm, tái thẩm có vai trò quan trọng trong việc tổng kết kinh nghiệm, hướng dẫn xét xử, góp phần giáo dục, xây dựng đội ngũ cán bộ xét xử. Thực tế thông qua sử dụng kết quả giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân tối cao, của Tòa án quân sự Trung ương và của Tòa án quân sự cấp Quân khu để làm nguồn tư liệu hướng dẫn xét xử, tránh sai lầm của Tòa án này vẫn có thể bị mắc phải ở Tòa án khác, góp phần nâng cao chất lượng xét xử, ngăn chặn các sai lầm xảy ra trên diện rộng. Các quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm được công bố công khai cũng là một nguồn tư liệu quý giá để Thẩm phán nghiên cứu, tự rút kinh nghiệm trong công tác xét xử cũng như trong việc tổng hợp hình phạt, tránh lặp lại sai lầm tương tự.

- Giám đốc thẩm, tái thẩm có vai trò quan trọng trong công tác kiểm tra việc thực hiện, xây dựng các quy định về tổng hợp hình phạt. Khi xét xử Tòa án nghiên cứu nội dung điều luật cần áp dụng, nếu phát hiện điều luật có vướng mắc, bất cập thì Tòa án có quyền kiến nghị để sửa đổi hoặc hủy bỏ điều luật đó, bổ sung điều luật mới.

- Giám đốc thẩm, tái thẩm còn chỉ ra những sai lầm về mặt pháp luật trong việc tổng hợp hình phạt của các Tòa án quân sự, đồng thời hướng dẫn việc khắc phục những sai lầm đó. Qua đó giúp cho cán bộ trực tiếp giải quyết vụ án nhận thức được sai lầm, thiếu sót của mình trong việc tổng hợp hình phạt. Tòa án cấp trên còn căn cứ vào lượng án bị hủy, sửa thông qua hoạt động giám đốc thẩm, tái thẩm để đánh giá chất lượng Thẩm phán, để từ đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ phù hợp với năng lực, đạo đức.

3.2.5. Nâng cao năng lực của người áp dụng pháp luật

Tính đến tháng 12 năm 2016, Các Tòa án quân sự có 280 biên chế, trong đó có 96 Thẩm phán, 48 Thư ký Tòa án và 136 chức danh khác. Với số lượng Thẩm phán nêu trên so với số lượng biên chế thì còn thiếu 12 Thẩm phán, trong đó Thẩm phán trung cấp thiếu 07 người, Thẩm phán sơ cấp thiếu 05 người, thư ký thiếu 8 người. Đến nay có 100% Thẩm phán Tòa án hai cấp là đảng viên, trình độ lý luận

chính trị, ngoại ngữ, tin học của đội ngũ Thẩm phán ngày càng được nâng cao. Toàn ngành hiện có 28 Thẩm phán có học vị Thạc sĩ (chiếm 29.1%). Có 30% Thẩm phán được bổ nhiệm làm Thẩm phán nhiệm kỳ thứ hai, 25% Thẩm phán nhiệm kỳ thứ 3, cá biệt có trường hợp trên 20 năm làm Thẩm phán nên tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác xét xử. số Thẩm phán còn lại tuy được bổ nhiệm nhiệm kỳ đầu nhưng đã có nhiều năm làm Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên, cơ bản được đào tạo chính quy về kiến thức pháp luật và có một số đã qua đào tạo về nghiệp vụ xét xử nên khi được bổ nhiệm có thể đảm bảo giải quyết, xét xử các vụ án được giao theo thẩm quyền. Nhìn chung, đa số Thẩm phán có phẩm chất, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ.

Tuy nhiên, đội ngũ Thẩm phán các Tòa án quân sự chưa thật sự ổn định, luôn trong tình trạng thiếu Thẩm phán ở hai cấp xét xử. Trình độ năng lực của Thẩm phán tuy đã được nâng lên một bước nhưng chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ, còn nhiều bất cập, hạn chế ở một số mặt; do tính chất đặc thù của quân đội nên thời gian tập trung cho công tác chuyên môn của đội ngũ thẩm phán luôn bị phân tán (do phải thực hiện các nhiệm vụ chính trị - quân sự của quân đội). Chính vì vậy trong những năm gần đây số lượng án bị hủy, sửa vẫn còn nhiều. Để khắc phục tình trạng trên cần yêu cầu tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng theo chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn là yêu cầu thiết thực và cấp bách nhằm cập nhật kiến thức, thông tin mới về văn bản quy phạm pháp luật và nghiệp vụ Tòa án. Một mặt tồn tại về đội ngũ xét xử của các Tòa án quân sự là đội ngũ Hội thẩm quân nhân có trình độ Cử nhân luật, Trung cấp Luật chiếm tỷ lệ không quá 04%.

Tích cực tuyên truyền giáo dục bằng nhiều hình thức làm cho đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn tại các Tòa án quân sự, đặc biệt là những cán bộ trẻ tích cực, tự giác tự học tập để nâng cao năng lực chuyên môn về mọi mặt. Có biện pháp khuyến khích cả vật chất lẫn tinh thần đối với các cán bộ tham gia học Thạc sĩ, Tiến sĩ luật trong nước và nước ngoài.

Hàng năm Tòa án quân sự Trung ương luôn tổ chức tập huấn cho đội ngũ Thẩm phán từ 1 đến 2 lần. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân nên thành phần tham

gia tập huấn luôn bị hạn chế, mỗi tòa số lượng Thẩm phán chỉ được tham gia chỉ từ 2 đến 3 Thẩm phán, cho nên có những Thẩm phán nhiều năm không được tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ, đây là bất cập làm ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng xét xử. Để việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thật sự phát huy hiệu quả nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Thẩm phán của các Tòa án quân sự, thì cần có các giải pháp như sau:

+ Phương pháp và nội dung tập huấn phải phù hợp với quá trình lập pháp và nhu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, cần đổi mới công tác tổ chức lớp học theo hướng thảo luận nhóm; hạn chế hình thức giảng dạy thuyết trình mà thay vào đó là phương pháp đối thoại nghiệp vụ và tổ chức các buổi hội thảo, tòa đàm, diễn án. Đội ngũ giảng viên giảng dạy gồm cả những người làm công tác nghiên cứu và cả những người làm công tác thực tiễn. Cần mở rộng thành phần tham gia tập huấn, số lượng người tham gia tập huấn, tăng số lần tập huấn trong một năm, có thể tổ chức tập huấn không theo chu kỳ mà theo diễn biến tình hình của việc áp dụng pháp luật trong mỗi thời kỳ để cho phù hợp

+ Một vấn đề quan trọng nữa góp phần nâng cao năng lực Thẩm phán là công tác rút kinh nghiệm xét xử. Đây là công tác phải được thực hiện một cách thường xuyên. Hàng năm Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án quân sự Trung ương đều tổ chức tổng kết thực tiễn xét xử của các Tòa án, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử. Đây là những tài liệu có giá trị thực tiễn rất lớn, giúp cho các Thẩm phán thấy được những sai lầm, thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật của các Tòa án khác từ đó tránh được những sai lầm tương tự cho bản thân.

Song song với việc tập huấn cho đội ngũ thẩm phán, hàng năm các Tòa án quân sự cấp Quân khu thường xuyên tổ chức tập huấn cho 100% Hội thẩm quân nhân của Tòa án 2 cấp, nội dung tập huấn luôn cập nhật các quy định mới của pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ của ngành, mang tính thực tiễn cao, sát với yêu cầu nhiệm vụ được giao, từ đó chất lượng Hội thẩm của các Tòa án quân sự luôn được giữ vững và nâng cao.

Sau khi dự Hội nghị tổng kết tại Tòa án nhân dân tối cao và Hội nghị tại Tòa

án quân sự Trung ương, các Tòa án quân sự cấp quân khu tự tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm cho các Tòa án quân sự trong Quân khu mình. Những vụ án bị hủy, sửa có tính chất lặp đi, lặp lại cần phải nêu điển hình. Thực hiện việc đối thoại giữa Thẩm phán hai cấp về những vấn đề còn có nhận thức không giống nhau. Xây dựng những tham luận về các nội dung quy định của pháp luật có nhiều cách hiểu khác nhau để tranh luận, đối đáp nhằm tìm ra giải pháp đúng.... Ngoài ra chúng ta cũng nên thông báo công khai kết quả áp dụng pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, để công chúng có thể nhìn nhận đánh giá một cách khách quan, từ đó rút ra được những ưu, khuyết điểm của việc áp dụng pháp luật nói chung và của việc tổng hợp hình phạt nói riêng.

Kết luận chương 3

Một yêu cầu bắt buộc đối với việc nâng cao chất lượng tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự là phải: Đảm tính pháp chế trong tổng hợp hình phạt; Đảm bảo các hình phạt đã tuyên được tổng hợp và các bản án phải được tổng hợp; tổng hợp hình phạt phải bảo đảm tính khả thi trong thi hành, không chồng chéo, bảo đảm tính nhân đạo - quyền con người; phải có sự lựa chọn, tùy nghi khi quyết định hình phạt. Từ đó chúng ta đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng tổng hợp hình phạt tại các Tòa án quân sự như: trước hết chúng ta phải đổi mới nhận thức về các nguyên tắc tổng hợp hình phạt; hoàn thiện Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt; tăng cường hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, tổng kết thực tiễn tổng hợp hình phạt; tăng cao chất lượng kiểm sát, giám đốc hoạt động xét xử nói chung, tổng hợp hình phạt nói riêng; nâng cao năng lực của người áp dụng pháp luật, đó là những yêu cầu mang tính bắt buộc, thường xuyên, liên tục và lâu dài.

KẾT LUẬN

Tổng hợp hình phạt là một chế định quan trọng trong Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt không những đảm bảo sự nghiêm minh công bằng của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội, đảm bảo tính khả thi của bản án trên thực tế mà trên hết nó trừng trị, răn đe, giáo dục người phạm tội, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985, chế định tổng hợp được quy định trong các Sắc lệnh, Thông tư, Công văn, báo cáo, kết luận tổng kết của Tòa án nhân dân tối cao.... Từ khi Bộ luật hình sự 1985 ra đời cho đến nay, chế định tổng hợp đã được quy định rõ ràng hơn, cụ thể hơn. Qua các lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự, chế định tổng hợp hình phạt đã được hoàn thiện hơn, phù hợp với thực tiễn xét xử. Tuy nhiên, vẫn có những hạn chế, bất cập cả về quy định của pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng chế định này trong từng trường hợp cụ thể.

Với nội dung luận văn này tôi mong muốn có những đánh giá, phân tích làm rõ hơn các vấn đề về lý luận cũng như thực tiễn áp dụng các quy định về tổng hợp hình phạt, từ đó có những kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa các quy định của chế định này. Việc nghiên cứu, đánh giá các quy định của pháp luật về tổng hợp hình phạt từ thực tiễn áp dụng các quy định này tại các Tòa án quân sự, từ đó có những kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa các quy định đó là một vấn đề hết sức quan trọng và có ý nghĩa thiết thực. Bởi lẽ, pháp luật luôn luôn đòi hỏi phải phù hợp với thực tế, thực tế là thước đo, có tính kiểm chứng các quy định của pháp luật có phù hợp hay không, các quy định của pháp luật có tính khả thi khi áp dụng vào thực tế hay không. Từ đó pháp luật mới đi vào cuộc sống, phát huy vai trò là công cụ để quản lý, đấu tranh phòng chống vi phạm tội phạm, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa góp phần giữ gìn an ninh trật tự xã hội, thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển.

Với kiến thức còn hạn chế, kinh nghiệm thực tiễn trong công tác xét xử chưa nhiều, quá trình thực hiện luận văn các quy định mới, quy định đã được sửa đổi bổ sung trong BLHS 2015 đã bị dừng hiệu lực, nên luận văn sẽ không tránh khỏi

những khiếm khuyết cả về mặt nội dung lẫn hình thức, nhưng tôi hy vọng những nội dung đã được đề cập trong luận văn sẽ có những đóng góp nhất định vào việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự nói chung và các quy định về tổng hợp hình phạt nói riêng.

Kính mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của thầy cô giáo cũng như các bạn đồng nghiệp để tôi rút kinh nghiệm trong công tác xét xử và nghiên cứu khoa học pháp lý, góp phần ngày càng hoàn thiện vốn kiến thức của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thị Kim Anh, Phan Thị Phương Hiền, Trần Ngọc Lan Trang (2016), *"Một số điểm mới về quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của BLHS 2915"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 03),tr.01-04.
2. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trong tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới, Hà Nội.*
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, Hà Nội.*
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội.*
5. BLHS Liên bang Nga, bản dịch của Bộ Tư pháp.
6. BLHS Thủy Điện, bản dịch của Bộ Tư pháp.
7. BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, bản dịch của Bộ Tư pháp.
8. BLHS Cộng hòa Liên bang Đức bản dịch của Bộ Tư pháp.
9. Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, NXB Tư pháp và NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
10. Chính phủ (2001), *Nghị định số 53/2001/NĐ-CP ngày 23/8 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các hình phạt Cấm cư trú và Quản chế.*
11. Chính phủ (2001), *Nghị định số 54/2001/NĐ-CP ngày 23/8 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các hình phạt Trục xuất.*
12. Lê Cẩm (2005), *"Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)"*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
13. Đỗ Văn Chính (2006), *"Hình phạt bổ sung và thực tiễn áp dụng"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 04),tr.27-31.
14. Đỗ Văn Chính (2007), *"án treo và thực tiễn áp dụng"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 07),tr.34-41.
15. Nguyễn Ngọc Hòa (1993), *"Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 01),tr. 16 - 20.

16. Nguyễn Ngọc Hòa (1999) "*Mục đích của hình phạt*", Tạp chí Luật học, (số 01), tr. 09 - 12.
17. Nguyễn Ngọc Hòa, Phạm Thị Liên Châu, Lê Thị Sơn (2001) "*Trách nhiệm hình sự và hình phạt*", NXB Công án nhân dân, Hà Nội.
18. Nguyễn Ngọc Hòa (2003) "*Các trường hợp phạm nhiều tội trong luật hình sự*", Tạp chí Luật học, (số 01), tr. 31 - 34.
19. Trương Văn Hùng (2007) "*Việc tổng hợp hình phạt đối với phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù lại phạm tội mới*", Tạp chí Kiểm sát, (số 13), tr. 42 - 44.
20. Vũ Thành Long (2005) "*Tổng hợp hình phạt đối với trường hợp được hưởng án treo*", Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 05), tr. 34 - 35.
21. Dương Tuyết Miện (2004), "*Định tội danh và quyết định hình phạt*", NXB Công án nhân dân, Hà Nội.
22. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *Hiến pháp (2013)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *BLHS của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, (1985) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *BLHS của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, (1999) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *BLHS của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, (2015) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, (2014) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, (2015), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *BLHS của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, (1995) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *Luật sửa đổi bổ sung một số điều BLHS ngày 12/8/1991 của Quốc Hội*.

30. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *Luật sửa đổi bổ, sung một số điều BLHS ngày 29/6/2009 của Quốc Hội.*
31. Đinh Văn Quế (2000), *"Hình phạt và quyết định hình phạt trong BLHS"*, NXB Chính trị quốc gia.
32. Đinh Văn Quế (2001), *"Bình luận khoa học BLHS phần chung"*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
33. Đinh Văn Quế (2003), *"Về việc tổng hợp nhiều bản án treo"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 09), tr. 24-26.
34. Đinh Văn Quế (2004), *"Về vấn đề tổng hợp hình phạt tù và cải tạo không giam giữ"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 07), tr. 32-34.
35. Đinh Văn Quế (2004), *"Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 11), tr. 19-22.
36. Đinh Văn Quế (2005), *"Một số vấn đề về quyết định hình phạt quy định trong BLHS 1999"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 16), tr. 05-18.
37. Hồ Sỹ Sơn (2000), *"Một số điểm mới trong tổng hợp hình phạt theo BLHS nước ta"*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học về BLHS năm 1999 và những bảo đảm thi hành Bộ luật trong thực tiễn (của Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật), Hà Nội.
38. Sắc lệnh số 21/SL của Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 14/02/1946.
39. TANDTC (1988), *Nghị quyết 02/NQ-HĐTP ngày 16/11 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Hướng dẫn bổ sung nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 05/01/1986*, Hà Nội.
40. TANDTC (1989), *Nghị quyết 02/NQ-HĐTP ngày 19/4 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*, Hà Nội.
41. TANDTC (1990), *Hệ thống các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng*, Hà Nội.
42. TANDTC (1991), *Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20/12 của TANDTC, VKSNDTC hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS*, Hà Nội.

43. TANDTC (2004), *Nghị quyết 04/NQ-HĐTP ngày 05/11 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba "xét xử sơ thẩm" của BLTTHS năm 2003*, Hà Nội.

44. TANDTC (2006), *Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 12/5 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*, Hà Nội.

45. TANDTC (2007), *Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 02/10 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm chấp hành hình phạt*, Hà Nội.

46. TANDTC (2007), *Nghị quyết 02/NQ-HĐTP ngày 02/10 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ năm "thi hành bản án và quyết định của bản án" của BLTTHS năm 2003*, Hà Nội.

47. *Thông báo kết quả kiểm tra án của Tòa án quân sự trung ương từ 2011 đến 2016*.

48. Trường Đại học luật Hà Nội (2003), *Giáo trình luật hình sự*, Nxb Đà Nẵng và trung tâm từ điển học, Đà Nẵng.

49. Phạm Gia Thiệu (2007), *"Bà về áp dụng căn cứ pháp lý tổng hợp hình phạt qua một vụ án ma túy"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 21), tr. 22 - 26.

50. Phạm Gia Thiệu (2007), *"Một số vấn đề chung về tổng hợp hình phạt"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 22) tr. 05 - 10 và (số 23), tr. 8 - 14.

51. Phạm Gia Thiệu (2007), *"Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và bị xét xử cùng một lần"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 24), tr. 12 - 18.

52. Phạm Gia Thiệu (2008), *"Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 03) (số 04), tr. 10 - 16.

53. Phạm Gia Thiệu (2008), *"Tổng hợp hình phạt trong các trường hợp có án treo và người chưa thành niên phạm tội"*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 05) tr. 03 - 11.

54. Võ Khánh Vinh, Nguyễn Văn Hoàn (1987), *"Tìm hiểu vấn đề tổng hợp hình phạt của nhiều bản án"*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 05), tr. 03 - 11.

55. Võ Khánh Vinh, Lê Văn Đệ (1999), "*Tổng hợp thực tế về phạm nhiều tội – một hình thức của chế định phạm nhiều tội*", Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 12), tr. 17 - 23.

56. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam phân chung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

57. Viện ngôn ngữ học (2003) *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng và trung tâm từ điển học, Đà Nẵng.